Năm thứ hai — Số 62
Tuần-lễ từ thứ tư 2 đến
thứ ba 8 Septembre 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

Những tìm tòi tên đăng trên bàn thờ Văn-hóa — *Hoa-Bằng*
Cái chết của Trần Tiến-Thành (II) — *Đào Duy-Anh*
Phê-bình văn-học — *Ứng-Hòe Nguyễn Văn-Tố*
Tra nghĩa chữ nho (XVI) — *Ứng-Hòe*
Phê-bình «Sợ sống» — *Hội-Thống*
Từ Hà-nội đến hồ Ba bể (Du-ký, V) — *Nhật-Nham*
Tiết tháo các ông thầy và tình thầy trò hồi trước (I) — *Tiên-Đàm*
Nam dân lét châu tục thảo (IV) — *Tùng-Vân Nguyễn Đức-Phục*
Tài-liệu để đính chính những bài văn cổ (XXXIX) — *Nguyễn Văn-Tố*
Bản sách-dẫn về «Đại-Nam liệt truyện» (VI) — *Thọ-Xuân Lê Văn-Phúc*
Trúc mai sum-họp (Tiểu-thuyết, XI) — *Chu-Thiên*

0$20

Những tấm thân tàn dâng trên BÀN THỜ VĂN-HÓA

HOA-BẰNG

TUẦN-LỄ trước, nhân vào Ha-đông thăm Tùng-Vân Nguyễn Đôn Phục tiên-sinh, làm dự một buổi hội-đàm về văn-học, tôi vô-cùng cảm-động trước sự cố-gắng của vị lão-thành ấy đang dâng lên bàn thờ Văn-hóa Đại-Nam những cái sở-học và sở-đắc với chút khí-lực hầu tàn !

Tiếp chuyện chúng tôi, tiên-sinh, cầm giáo quạt gõ dịp xuống mặt ghế ngựa, nói về những chuyện văn-học, chẳng hạn như :

1. — Ta nên cho nhập-tịch thật nhiều những tiếng chữ nho vào quốc-văn để làm giàu cho Việt-ngữ. Nhưng trong việc này, ta phải khôn khéo và thận trọng, mới làm được những tiếng chữ hán ấy dễ an-nam-hóa, mới khiến cho tiếng mẹ đẻ mỗi ngày một phong phú thêm lên.

Muốn làm công-việc ấy, ta phải noi theo cái bí-quyết của các cụ xưa đã nhập-tịch những tiếng chữ nho vào trong văn chương Nam - việt, chẳng hạn như lối cụ Nguyễn Du đã dùng trong truyện Kiều...

Rồi Tùng-Vân tiên-sinh đọc cho chúng tôi nghe một thi dụ lấy trong bài thơ «Thăng-long thành hoài cổ» của bà huyện Thanh-Quan :

« Lối xưa xe ngựa hồn *thu thảo,*
Nền cũ lâu đài bóng *tịch dương.»*

Những chữ như « thu thảo » và « tịch dương » ấy đã được tác-giả bài thơ trên cho nhập-tịch một cách rất khéo.

2. — Tiếng ta là thứ tiếng đan âm, nên văn ta cũng như văn tàu, có cái đặc-điểm là đối nhau. Ta nên gây nuôi chỗ sở-trường ấy của văn-chương nước mình khiến nó giữ được tích-cách cố hữu và nhuộm một màu sắc xứ sở. Như thế mới không làm mất cái bản-tướng của mình, mà gây được một nền quốc-văn giàu thịnh. Bây giờ nhiều người không hiểu lẽ đó, bỏ mất cái lối đối nhau, làm cho quốc-văn mất hẳn đặc tính của đất nước !

3 — Từ xưa đến giờ, người mình vẫn có thói quen chơi câu đối. Nhưng, trước kia Hán-học còn thịnh, nhiều người còn biết chữ nho, thì đối với món chơi câu đối ấy còn có ý thức. Bây giờ những tay thông nho rất hiếm, thế mà câu đối vẫn viết bằng chữ nho, há chẳng không thích-hợp với thời-đại nữa ?

Vậy sao ta lại không chơi câu đối nôm vừa để giữ lấy ngón chơi phong-nhã của mình, vừa để rèn-luyện cho quốc-văn ngày một thêm tiến ? Nhưng viết bằng chữ nôm ? Đã không tiện, lại khó cho người đọc ! Chi bằng ta lợi dụng ngay lối chữ quốc-ngữ viết như chữ triện quây trong một vòng tròn như trước kia đã có một đôi nhà hàng câu đối hoặc viết hoặ: thêu đó...

Càng nghe Tùng-Vân tiên-sinh nói chuyện về văn-học đại-khái như thế, tôi càng cảm thấy trong thi-nhân có một tâm-hồn cao-khiết ấy, ở nơi đáy lòng, bao giờ cũng vẫn âm-ỷ dấm một ngọn lửa nhiệt-thành với quốc-văn, dầu từ khi bất hạnh phải tàng minh hàng 12 năm nay cũng vậy.

Thuật lại một vài mẩu chuyện ấy của tiên-sinh đã nói, tôi không ngoài mục-đích muốn chứng thực rằng những nhà văn chân-chính xưa nay dầu đến khi tấm thân đã tàn, hơi sức đã hầu kiệt, cũng vẫn can-đảm, hăng-hái, vui-vẻ dâng trọn mình làm hi-sinh trên bàn thờ Văn-hóa.

Mặt đối mặt, lòng thấu lòng, tôi đâu phải sắt đá mà không bồi-hồi trạnh cảm trước tấm gương tận tụy với văn-học ấy !

∴

Nói đến đây, tôi lại liên-tưởng tới những danh-nhân trong lịch-sử đông, tây đã từng phấn-đấu với tật nguyền, xông pha trên trận bút đàn văn, rồi hát được những bài đắc - thắng rất vẻ-vang, rất oanh - liệt :

Tả-Khâu và Mao Thanh - Sơn cũng mù, cũng phải sống những mẩu đời tối-tăm thảm đạm. Thế mà họ cứ trung - thành với cán bút, cứ hăng hái lần bước lên đường « lập-ngôn ». Rồi Tả làm được bộ Quốc-ngữ, Mao giải nghĩa và phê-bình được truyện Tỳ bà.

John Milton (1608 - 1674) cũng lòa, cũng phải lần chuỗi ngày « đắng cay » với bao âm - thầm đau-đớn ! Nhưng không hề rủn chí ngã lòng trước sự thử - thách khắc-nghiệt gay - go của Tạo-hóa, thi-sĩ Milton cứ làm cho ánh sáng phải ghen bằng cách sống trong tia chân quang của cõi đời tỷ-

Xem tiếp trang 5

Cái chết của TRẦN TIỄN-THÀNH

(*tiếp theo kỳ trước*)

ĐÀO DUY-ANH

TRƯỚC kia, hồi tháng 8, vua Hiệp-Hòa đã muốn giảm quyền Tôn thất-Thuyết. Khi Thuyết thấy dư luận dị-nghị là mình chuyên quyền, ông muốn hòa hoãn nhân tâm nên giả-đò xin vua giải binh quyền của mình.

Vua Hiệp-Hòa nắm lấy lời tâu xin ấy, đổi Tôn thất-Thuyết từ bộ Binh sang bộ Lễ, rồi sang bộ Lại. Nhưng đời nào Thuyết chịu thả binh quyền ra! Dẫu phải đổi bộ, Thuyết không chịu bái mạng và nhận chức mới, vẫn cứ giữ việc bộ Binh trong tay vì chân Thượng-thư bộ ấy vẫn không cử người thế.

Từ đó Tôn thất-Thuyết không tin vua Hiệp-Hòa nữa. Vả chăng, Hường-Sâm và Hường-Phì, ỷ thế vua, một hôm giám phi-nghị Tường và Thuyết giữa Triều-đình Họ lại dâng mật phiến xin giết Nguyễn Văn-Tường, mà trong lời phiến có nói thêm rằng đã có trình việc ấy cho Trần Tiễn-Thành biết (1).

Viên thái-giám Phạm-Tạc đem việc ấy báo với Nguyễn Văn-Tường. Tôn Thất-Thuyết bèn tuyển một đội quân riêng đặt tên là quân Phấn-nghĩa, gồm những người lực lưỡng táo bạo, mặc áo nẹp xanh, đội nón bọc vải xanh, cầm gươm mã tấu, khi nào cũng sẵn sang để cướp phá giết gióc.

Bấy giờ, Tuy Lý-vương đi thăm đại biểu nước Pháp là de Champeaux ở nhà Sứ-quán cũ — lấy cớ là đi xin thuốc tây. Vua Hiệp-Hòa nghe triều-thần dị-nghị về cử chỉ ấy, bèn triệu ngài vào cung hỏi chuyện rồi nói với triều thần rằng đức vương là người trung ái vững vàng, không nên lấy việc ngài giao-thiệp với người Pháp làm ngại. Sau đó mấy ngày, đại-biểu Pháp mời Tuy Lý-vương sang trú quan và tỏ ý muốn xin bệ kiến nhà vua (2).

Vua lại sai quận-vương sang điều đình với de Champeaux về nghi thức triều kiến, rồi sáng ngày 28 Novembre 1883 (tức ngày 29 tháng 10 âm lịch), đại-biểu nước Pháp vào yết ở Văn-minh điện (3).

Tường và Thuyết thấy vậy biết rằng cơ nguy đã đến sau lưng, họ bèn nghĩ đến việc giết Trần Tiễn-Thành. Ta biết rằng sau khi hai người biết được tờ mật phiến của Hường-Sâm và Hường Phì, trong ấy nói rằng có bàn trước với Trần-Tiễn-Thành, thì tình thế của ông lại càng nguy lắm.

Từ khi Thụy-quốc-công bị giam chết, Trần Tiễn-Thành cố xin nghỉ việc quan, nhất thiết ở nhà, trong hàng bách-quan không hề giao thiệp với ai cả.

Ông biết thế nguy đã đến nơi rồi, bèn cho tất cả người nhà về quê ở Minh-hương, chỉ một mình ở lại biệt-thự Chợ Dinh với một cô ái-thiếp (cô thứ tư tên là Lê thị-Như) và mấy tên đầy tớ để chờ.

Khi được tin báo, Tôn-thất-Thuyết sai ngay một toán lính Phấn-nghĩa đi giết Trần-Tiễn-Thành và Tuy-lý vương (5). Đêm cuối tháng, trời tối như mực, mà phố Chợ Dinh cũng như mọi phố bấy giờ chưa có thắp đèn. Toán lính do bọn Hường-Hàng, Hường Chức, Hường-Tế — cả ba đều là hoàng phái — chỉ huy, đến trước biệt thự quan Phụ-chánh vào lúc canh ba. Cái nhà ấy làm theo kiểu

Vừa xuất bản

CHỮ NHO HỌC LẤY

Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn

Giá: 1 p. 00. Cước thường 0 p. 12. Cước đảm bảo 0p32

Thư và mandat để cho hiệu sách ĐÔNG-TAY

195, phố Hàng Bông — Hanoi

Không gửi lĩnh hóa giao ngân

Giá báo

Mỗi số	0 p 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin gửi tiền trước

phỏng nhà xưa mà ngày nay ta còn thấy ở phố Gia - hội : phía trước là một cái nhà ba gian làm sát đường phố, trước kia tất dùng về việc buôn bán ; hai gian bên thì đóng bằng cửa xàn, hay cửa lùa, còn gian giữa thì có hai cánh cửa xoay trên lề cối. Có một cái nhà cầu che phía tả cái sân, nối nhà ngoài với nhà trong có gác. Toán lính Phấn-nghĩa sắp hàng ở trước nhà, chỉ một chục tên sẵn vào lấy khí giới đập mạnh vào cửa. Cả phố nghe ồn đều thức dậy, nhưng người ta tưởng kẻ cướp nên không ai giám ra. Song Trần tiễn-Thành ở trên lầu nhà trong thì đã biết là truyện gì rồi. Người nhà sợ hãi không giám mở cửa, thì một vài tên lính chỉ thò mác vào khe cửa đỡ cánh cửa lên là nó bật ngay ra ngoài lề. Dăm bảy tên đi vào nhà trong có đèn sáng lờ-mờ. Một tên đi trước bưng cái hộp sơn thường đựng tờ phiến tấu hay chiếu chỉ. Bọn cầm đầu kêu lớn lên rằng : « Mời quan lớn xuống có việc cơ mật». Ông nghe vậy, lấy áo dài đenmặc rồi do cô hầu dìu xuống thang gác. Mới đi đến nửa chừng, đương dơ tay mặt để gài nốt khuy áo thì một tên lính lấy mác đâm vào hông bên hữu, rồi mấy tên khác đâm lịa theo. Bấy giờ cô hầu hoảng hốt dơ cán tay ra để đỡ cho chồng thì bị chém ở cánh tay mặt ; cô không thể làm sao, chỉ biết ôm lấy chồng đã ngã quị xuống mà la, trong khi bọn sát nhân kéo nhau trở ra và biến trong đêm tối.

Bọn gia nhân lập tức chạy về làng báo tin cho gia đình. Sáng mai con cái làm đơn trình huyện Hương-trà, phủ Thừa thiên. Dẫu ai nấy đều biết rằng việc ám-sát ấy đều do Tường và Thuyết chủ mưu, nhưng bề ngoài, quan cũng giả đò điều tra và kết luận là việc đạo sát.

Nhưng Trần tiễn-Thành chết rồi mà Tường, Thuyết vẫn chưa cam tâm, họ còn tâu vua xin giáng từ hàm Thái bảo Cần-chánh điện đại học sĩ xuống hàm Binh bộ Thượng - thư. Đến năm đầu Đồng - khánh, Trần tướng- công mới được truy phục hàm Văn-minh-điện đại học sĩ.

(Hết)

ĐÀO DUY-ANH

Bổ chính

Trong bài « Lời nói đầu » « Bản sách dẫn về Đ. N. L. T. » ở T. T số 57 trang 5, cột 3, sót chữ « Huế» cuối câu: «Những người họ Tôn thất thì quê quán để tại *Huế* ».

Đang in

VIỆT - NAM CỔ VĂN-HỌC SỬ'

tác giả Nguyễn Đổng-Chi *tựa của* Trần-v-Giáp

Lời bạt của HUỲNH THÚC-KHANG

500 *trang toàn những tài liệu văn học rất quí, soạn theo một phương pháp rất khoa học — Giá* 4p.50

Ai gửi tiền mua trước ngày 1er Octobre 1942 sẽ được trừ 10 %. và không phải trả tiền bưu phí Thư và tiền gửi về M.

Le Directeur HÀN-THUYÊN XUẤT - BẢN - CỤ

Rue Tien - Tsin — Hanoi

ĐÃ CÓ BÁN :

THƠ' HÀN MẶC TỬ'

— Những bài thơ chọn lọc của nhà thi sĩ thiên tài mà cái chết đã làm sôi nổi dư luận thi-giới và văn - giới Việt Nam.

— Đã có 7 cuộc diễn thuyết, 5 tờ báo pháp văn, 7 tờ báo quốc ngữ và 2 cuốn sách phê bình về thi văn và thân thế thi sĩ.

Sách in rất đẹp tại một nhà in lớn ở Hà-nội — Họa sĩ Phạm Tú-Ninh họa và trông nom về phần mỹ thuật

ĐÔNG PHƯƠNG xuất bản

227 — P. Blanchy — Saigon

những tấm thân tàn

tiếp theo trang 2

tưởng. Mục - tật ? Đã không động tâm ! Nghèo nàn ? Lại không động tâm ! Thi-sĩ thản-nhiên cứ ngâm hương thơm, cứ cợt tiếng đẹp . . . Rồi, nhờ sức bà vợ và hai cô con giúp đỡ, thi-sĩ cho ra đời được cuốn Paradis perdu *là một tập thơ bất-hủ trong văn-học-giới Anh.*

Đồng bệnh với thi-sĩ Milton, nhà sử học Pháp Augustin Thierry (1795 - 1856) cũng được liệt vào toán quân anh-hùng ấy

Sau khi làm xong bộ Histoire de la conquête de l'Angleterre par les Normands *được ít lâu, Augustin Thierry mất ngay « hai ngọn đèn » của trí khảo - cứu Thế mà Augustin Thierry không hề bó tay chịu hàng cái tật ác nghiệt ấy ! Ông cứ theo đuổi cho kỳ đến đích lý - tưởng, ông cứ vật lộn với mọi nỗi khó-khăn để cất giọng cao hát những bài thắng trận hùng-tráng vui tươi . .*

Thế rồi nhờ sức tương trợ của bà vợ và mấy viên thư - ký, ông lại làm được nhiều sách nữa như : Récits des temps mérovingiens, Considérations sur l'histoire de France à Essai sur les Tiers Etats *là những tác-phẩm rất có giá - trị trong sử học giới Pháp.*

Đó, những bậc danh - nhân đã tận - tụy với nghề trước thư lập ngôn là thế đấy. Ấy là tôi còn chưa kể thêm mấy nhân-vật ở xứ ta cũng gặp nghịch cảnh mà cũng góp được ít nhiều công lao vào cuộc tiến hóa chung của xứ - sở như Chiêu-Lý như Tam-nguyên Yên-đỗ v. v

Ai thì không biết, chứ tôi, mỗi khi đọc thơ Nam-đàn bát châu *của Tùng-Vân tiên - sinh, không sao ngăn được mối cảm vì xúc động trước cảnh-ngộ của thi-nhân cũng như tôi đã cảm thương cụ Yên-đỗ khi đọc đến mấy câu thơ này :*

« Có khách cho ta một chậu chà,
Ta yêu, ta chẳng biết rằng hoa ! »

.·.

Xin lỗi Tùng-Vân tiên sinh, tôi viết bài này, trong chỗ vô - tình, chắc đã làm nao - nao cõi lòng người đương cuộc. Song, tôi chỉ cốt ý rêu tấm gương sáng của những tinh-thần trăm gẫy không sờn, trăm rèn càng sắc, của những chiến-sĩ trong đội quân văn-hóa đầy nhuệ khí, nỗ-lực, can-đảm và hi sinh

Các bạn thanh-niên ! Chúng ta đương lúc tuổi giàu, sức mạnh, há lại không nên «kinh-tế» từng tấc quang-âm, hăng-hái xông pha trên đường «tu-tiến», sao cho khỏi phụ ngày xanh, sao cho khỏi thẹn với non sông đất nước ?

HOA-BẰNG

Mới xuất bản :

DANH NHÂN VIỆT - NAM

của .PHAN TRẦN-CHÚC

Trong tủ sách Tao Đàn

Nhà TÂN-DÂN xuất bản

Toàn bộ 4 quyển, mới ra quyển 1
Mỗi quyển bản thường : 0 $ 7 0
Bản đặc biệt giấy lụa dó : 4 $ 0 0

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước mỗi quyển là 0p 30. Không gửi lĩnh hóa giao ngân. Mandat đề tên ông VŨ ĐÌNH-LONG 93, Rue du Coton — Hanoi

Lần đầu tiên, lớn nhất ở Nam-kỳ

Nhà xuất bản Đồng - Nai

SẮP CÓ BÁN :

CỨU LẤY THANH - NIÊN

Ấn loát mỹ thuật toàn bằng giấy lụa mà bán rất rẻ để thanh niên các giới đều được đọc — Mỗi quyển 0p.75. Tác phẩm đầu tiên để ra mắt, của **Khổng - Dương**

Một chương trình cải tạo và gây dựng thanh niên Việt Nam cần phải thực hành ngay từ bây giờ

« Qua những cơn bão táp của tâm hồn do sự xung đột trong lúc giao-tiếp của hai nền văn-hóa Đông-Tây lại đến cơn bão'táp của thời cuộc day chúng ta hiết suy nghĩ gắn sức...

Tôi chẳng dám cả tiếng khuyên bạn. Tôi chỉ ước ao chúng ta nên thế ấy và thế ấy. Và sự ước ao của tôi quá mạnh hơn một chút, đó là chỉ muốn bùng lên ở ban một ngọn lửa hồng, sôi nổi lên ở ban một chất nhựa mạnh đang tiềm tàng, một nguồn máu nóng đang chuyển lưu».

Khổng-Dương

(trong cứu lấy thanh niên)

Những sách Đ.N. không gửi en consignation. Chẳng đại lý nào được độc quyền trong một địa hạt nào cả, trừ ra nếu có thư thương lượng những điều kiện riêng.

Thư từ và tiền bạc đề cho : TRƯƠNG-VĂN-HAI
248 — Lagrandière — Saigon Cochinchine
Téléphone 20.453 Boite postale 220

PHÊ-BÌNH VĂN-HỌC

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN - TỐ

Ông chủ nhiệm báo Tri-tân *có đưa tôi xem bài « giả nhời » của ông Ngô tất-Tố về bài phê-bình* Bộ sách « Việt-Nam văn-học » *đăng trong số 58 Đọc qua bài « giả nhời » ấy cũng đủ biết rằng không có đoạn nào là đoạn đích-đáng, có đoạn lại thiếu cả về văn-học, làm cho tôi nhớ hồi cuối năm 1920 tôi có nói rằng : « Sự bình-phẩm ách, người nước ta không ưa. Phần-nhiều đồng-bào ta không hiểu cái chức-vụ của nhà bình-phẩm và thường lẫn lối « cảm-giác phê-bình » với lối « khoa-học phê-bình ». Nhiều người cho nhà bình-phẩm là một kẻ đố-kỵ, tự mình không làm được gì, thấy người làm sách đem lòng ghen-ghét ; không thì cũng là người xét-đoán thiên-lệch, vì tính-chất và cái thị-hiếu riêng của mình nó bó-buộc, hễ thấy cái gì mình không ưa thì nhất-thiết bài-bác cả. Ý kiến ấy có lẽ đối với lối phê-bình mỹ-thuật thì có phần đáng, mà đối với lối phê-bình khoa học thì thật là sai. Sự học-vấn ngày nay càng ngày càng coi như cái kết-quả của công-phu nhiều người Đời bây giờ không phải là đời người học-giả có thể tự - cao, đứng đặc-biệt một mình mà xướng ra những học-thuyết cao-kỳ, không cần đối-chiếu xem có hợp với sự thực không, miễn là phô-diễn ra lời văn sản - lạn thì thôi. Các nhà làm sách nước Pháp có trí thông-hiểu hơn, biết rằng trong sự học cốt nhất và phải sưu-tập lấy nhiều sự thực, nghiên-cứu khắp các phương-diện, rồi cái triết-lý tự khắc nó suy-diễn ra. Muốn sưu-tập nghiên-cứu như vậy, cần phải có nhiều người ra công học-tập, người nọ giám-đốc lẫn người kia, ai sai nhầm chỗ nào thì chỉ bảo, ai phát-minh điều gì thì tuyên-bố lên. Như vậy thì mỗi người vừa là nhà làm sách, vừa là nhà bình-phẩm, và sự bình-phẩm như thế tức là một cách giúp cho đường học-vấn mỗi ngày một tấn tới ». (1)*

Ông Ngô tất-Tố cho sự bình-phẩm là sự « xói móc », sự « chỉ-trích ». Ông « giả nhời » một cách nóng-nảy, bằng một cái giọng ngang-ngang, khác hẳn giọng nhà nho. Tuy vậy, tôi cũng đăng, tôi chỉ bỏ có hai đoạn đầu, vì trong hai đoạn ấy ông Ngô tất-Tố nói đến những người không dính - dáng gì về bài bình-phẩm. Tôi bỏ cả đoạn cuối, vì ông Ngô tất-Tố tự phê-bình lấy và quảng - cáo cho bộ sách của ông. Đoạn nào bỏ tôi đã thay bằng một dòng chấm, không thể nào nhầm được. Còn đoạn nào đăng, tôi giả nhời ngay ở dưới, và ký tên cho khỏi lẫn

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Giả nhời ông Nguyễn-văn-Tố về bài bộ « Việt-nam văn-học »

. . . . . .

Bài của ông Tố chia ra nhiều đoạn. Đầu tiên, ông Tố bảo bộ sách của tôi chỉ là một thứ « Việt hán văn tuyển », chưa hẳn là « Việt-nam văn-học sử ».

Không, tôi chỉ soạn sách « Việt-nam văn-học «, không hề nhận nó là « Việt-nam văn-học sử ». Vì sợ người ta hiểu lầm, nên ở bài tựa tập một, tôi đã nói rõ thế rồi. Nhưng gọi nó là « Việt-hán văn-tuyển » thì rất không đúng

Chẳng biết hai chữ « Việt-Hán » ông Tố hiểu ra thế nào. Còn như hai chữ « văn-tuyển », theo đúng ý nghĩa của nó chỉ là những bài văn hay do sự lựa-lọc góp lại thế thôi.

Bộ « Việt-nam văn-học » không phải chỉ chọn văn hay. Nó là thứ sách ghi chép văn-chương Việt-nam theo thứ tự của thời đại, có khi còn có cả văn dở nữa. Vì như đời Lý, lắm bài không có tính cách văn-chương chút nào, nhưng cũng không bị loại bỏ, vì tôi muốn để độc giả biết qua trình độ văn chương đời ấy là thế.

. . . . . .

NGÔ TẤT-TỐ

Thế sao ông Ngô tất-Tố lại dịch ra văn vần, để cho lạc nghĩa đi ? Đã là « văn dở », đã « không có tính cách văn-chương chút nào », thì để là « văn học » sao được ? Nếu có phải thật không « lựa-lọc », thì sao ông lại « dẫn chú », ông lại in cả nguyên-văn chữ Hán, y như một quyển văn-tuyển ?

Ở bài tựa ông nói rằng : « Hẳn ai cũng biết tài-liệu của cuốn *văn học sử* nước nhà từ đầu thế-kỷ 20 về trước, phần chính phải là chữ Hán, còn những văn-chương chữ nôm và chữ quốc-ngữ, chẳng qua chỉ là phần phụ ». *Nếu thế thì phải đặt tên bộ sách là «Hán-Việt văn-tuyển», chứ không phải là « Việt-nam văn-học ». Sở dĩ tôi gọi là « một thứ Việt-Hán văn-tuyển », là vì từ tập nhà Lê trở đi, ông Ngô tất-Tố làm thế nào cũng phải cho phần quốc-văn làm phần chính, mà phần Hán-văn làm phần phụ.*

Đồng-bào ta vẫn gọi chữ nho là « chữ ta », cho nên vẫn cho Hán-văn của người mình là « văn-chương Việt-nam ». Chính ra người Việt-nam hay người Triều-tiên, hoặc người ngoại-quốc nào, viết văn bằng chữ Hán, mà văn có giá-trị, thì lịch-sử chép vào Hán - văn, chứ không chép vào Việt - văn hay Triều - văn. Cũng như những tác-phẩm của vài nhà văn-hào nước Lỗ-mã-ni soạn bằng chữ Pháp, xưa nay chép vào lịch-sử văn-học nước Pháp, chưa hề thấy ai chép vào văn-học-sử nước Lỗ

Ở bài tựa, ông Ngô tất-Tố dùng chữ « văn-học sử » đến chín mươi lượt. Ngay trang đầu, ông nói rằng :

« Bây giờ thử hỏi : Nước mình đã nên có một cuốn sử Văn-học hay chưa ? » *Rồi đến trang cuối ông lại nói rằng :* « chữ Hán bây giờ đã không đắc dụng, có ngày nó sẽ tiêu-diệt (?) — cái ngày ấy cũng không xa gì (?) Khi mà chữ Hán ở ta không còn, thì những sách kia dù có còn nữa, cũng là vô ích (?) Đã đến lúc đó, e rằng sẽ có những kẻ vọc vạch chữ Hán, công nhiên đóng vai nghiên-cứu văn học chữ Hán để vu oan cổ-nhân và đánh lừa hậu-nhân (?). Như vậy, cuốn *văn-học sử* của mình còn ra trò gì ?»

Đấy, ông Ngô tất-Tố « nói rõ » như thế đấy ! Không những thế mà thôi, ông lại còn cho in ba chữ « văn-học sử » bằng chữ rõ thật to, để ai nấy đều chú ý đến. Nhưng không nên lấy thế làm lạ : văn bài của ông Ngô tất-Tố trái nhau như thế là thường ; xem những đoạn « giả nhời » dưới này lại càng rõ.

NGUYỄN VĂN-TỐ

***

Đoạn hai, ông Tố bảo tôi chép các tên sách không đúng.

Ở bài tổng-luận, vì muốn chứng rõ sự-nghiệp trứ thuật của đời Trần, tôi có kể tên độ chừng bốn chục bộ sách của các nhân-vật đời ấy. Chỗ đó ông Tố nhận thấy còn thiếu ba cuốn « Hình luật » đời Trần Thái-tôn, « Việt-nam thế chí » của Hồ Tôn-Thốc và « Vạn-Kiếp bí truyền » của Trần Quốc-Tuấn. Sau khi nêu mấy tên ấy, ông Tố kết rằng : tên sách bỏ xót đại khái như thế ».

Tôi không hiểu cái dụng ý của hai chữ « đại khái » là gì, nhưng tôi nhận rằng có xót thật đó. Không phải chỉ xót ba cuốn, có lẽ còn xót nhiều nữa, ông Tố chưa kiếm ra được đó thôi.

NGÔ TẤT-TỐ

Kiếm không khó gì, vì những tên sách đời Trần đã liệt trong bộ Lịch triều hiến chương, *vào quyển* Văn lịch chí ; *sách ta sách tây cũng đã in ra quốc-ngữ, thế mà ông Ngô tất-Tố còn bỏ sót ! Ngoài ba quyển trên kia, ông còn quên những quyển sau này :* Nhị-khê tập *của Nguyễn Phi-Khanh,* Việt điện u linh *của Lý Tế-Xuyên,* Lĩnh Nam trích quái *của Trần Thế-Pháp,* Hình thế địa mạch ca *của Trần Quốc-Kiệt và Hồ Tôn-Thốc,* Pháp sự tân văn *của vua Trần Anh-Tôn sai các nho thần soạn ra ấn hành,* v. v. *Không những chép thiếu mà thôi, ông Ngô* Tất-Tố *còn chép nhầm nữa : như quyển* Tăng-già toái sự *của Trần Nhân-Tôn, ông chép là Trần Minh-Tôn ; quyển* Hoàng-tông ngọc điệp, *ông chép là* Hoàng-triều ngọc điệp : *có quyển* Hoàng-triều ngọc điệp, *nhưng về đời Lý, không phải đời Trần. Ấy những tên sách tên người, chép sai chép thiếu, « đại khái » như thế : nếu kể cho hết, có lẽ phải mất một trang* Tri-Tân ; *để sau này tái bản, ông Ngô tất-Tố có muốn hỏi, tôi sẽ chỉ giùm. Ở đây dẫn như thế là đủ rồi.*

NGUYỄN VĂN-TỐ

Trong việc biên tập khảo cứu, hoặc vì đọc rồi quên đi, hoặc vì đọc phải những bản viết tay, người sao-lục vô ý viết thiếu, cái sự bỏ xót không thể tránh khỏi. Vả chăng sách vở kể có thiên kinh vạn quyển ông thánh cũng không thể đọc cho hết để khỏi bỏ xót. Nếu như bỏ xót ba cái tên sách đã « vô tang tích » mà bị nêu ra chỉ trích thì dưới gầm trời này, các nhà khảo-cứu khó lòng có người hoàn toàn.

NGÔ TẤT-TỐ

Vì thế mới phải kiểm-điểm lẫn nhau, như tôi đã nhắc lại trên kia. Riêng về văn đời Trần, đã có tên sách chép trong sử nho cũng sách ta, sách tây. Muốn chép lại cho đủ và cho đúng, không khó gì : chỉ có ý một tý là hoàn-toàn.

NGUYỄN-VĂN-TỐ

Trong bài tổng luận và lược sử của Trần thánh-Tôn có chỗ nói đến hai cuốn « Kiến-trung-thường lễ » và Di hậu tập, thợ in vô ý sắp làm chữ « lễ » ra chữ « lệ » chữ « hậu » ra chữ « hận ». Ông Tố bảo tôi « cho in » như thế.

Thống chế Pétain đã nói :

« Sở-dĩ có cuộc chiến-tranh này là để tổ-chức lại châu Âu. Nước Pháp quyết-tâm dự vào sự tổ-chức ấy và hợp-tác rất thành-thực, ngõ-hầu mong dựng một nền hoà-bình vững-trải ở Âu-Châu và thế-giới ».

Cái đó thật oan. Trong chữ Hán « hậu » với «hận», «lễ» với «lệ» khác nhau như trời với vực, tôi đâu có giám cho ẩu như vậy. Chỉ vì nhiều tuổi, mắt kém, khi sửa ấn cảo (Epreuve), trông lầm chữ « n » ra chữ « u » chữ «ê» giấu nặng ra chữ «ê» giấu ngã, đấy thôi. lỗi đó kể cũng nhiều người dễ mắc. Ngay ở trong bài ông Tố soi mói tôi đó cũng có mấy chữ : « Giáo có dấu sắc, hối» (làm «giao» không có dấu) hối dịch «có dấu nặng» như thế «làm » dịch không dấu nặng như thế. Nhưng chỗ lầm ấy, tôi chắc không phải do ông «cho in».

Một bài của ông có hai trang bác mà đã sai đến hai chữ, giả sử đem làm cái tính phép ba (règle de trois) thì cuốn « Việt-nam văn-học » 224 trang, phải sai 224 chữ mới là tương đương. Nay nếu chỉ sai có hai chữ, ấy là tôi đã cẩn-thận hơn ông 222 lần rồi vậy. Thôi không nói đùa. Thật ra, chắc còn sai nhiều hơn nữa. Vậy tôi thành thực xin lỗi tất cả bạn đọc của cuốn sách ấy.

NGÔ TẤT-TỐ

Lệ nhà báo, chỉ có người chủ nhiệm mới được ký « bông cho in » (bon à tirer). Người ngoài gửi bài lại đăng không phải chữa bài in thử : nếu ai cũng chữa thì báo khó lòng mà ra đúng ngày.

In sách thì khác : người làm sách phải sửa các bản in thử, phải ký «bông» cho in, rồi khi in xong, lại phải đọc lại xem còn chữ nào bỏ sót chưa chữa, thì làm bài cải-chính để in vào cuối sách. Ông Ngô tất Tố ...

cải-chính, nhưng bỏ sót rất nhiều. Báo chí cũng có cải chính, nhưng thường cách đến hàng mấy số mới in. Vậy những câu ông Ngô tất-Tố nói về việc «cho in» không đáng với phép nhà báo.

NGUYỄN VĂN-TỐ

Cũng chỗ kể các tên sách ở bài tổng luận khi nói đến cuốn « Thủy vân-tùy-bút » tôi có chua là (?) không biết mấy cuốn. » Chẳng những một bộ ấy, còn nhiều bộ nữa tôi cũng có chua như thế hay là «còn không chưa biết». Đó là một sự thành thật, biết nói là biết, không nói là không. Ông Tố không ưa cái thành thức đó, biết được bộ sách «Thủy vân tùy bút» đích có hai cuốn, ông hỏi tôi rằng «Sao không dở bộ « Lịch triều hiến chương » bản viết của trường Bác-cổ ra mà xem ? trong đó chép là hai quyển.»

Thưa ông, tôi không dở ra mà xem, là tôi không dở... ra mà xem chứ không «sao» cả. Tôi không dở bộ « Lịch triều hiến chương » bản viết của trường Bác-cổ cũng như ông không dở hàng hà sa số bộ khác, không lạ gì hết. Vả chăng, đối với bộ sách đã bị ra tro từ một nghìn năm trước đây, thì dẫu biết thêm « nó có hai quyển » cũng chẳng giúp thêm chút ích cho ai. Tôi tưởng như thế.

NGÔ TẤT-TỐ

Ông Ngô tất-Tố tưởng như thế thì nhầm. Những sách nho chưa tìm thấy, cần phải chép cho đúng tên, đúng quyển, thì người đi tìm mới biết mà đó. Trường Bác-cổ sở-dĩ tìm được vài quyển đời Trần, là vì người áp việc biên đúng tên tác-giả, nhan sách và số quyển.

Ông Ngô tất-Tố nói rằng : « biết nói là biết, không nói là không » : *cái ấy đã cố-nhiên đi rồi ! Nhưng đối với việc khảo-cứu, có nhiều điều không biết không được. Nếu không biết thì không nên in vội, kẻo có người bảo là bất lực hoặc đồ cho ý gì chăng.*

NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đoạn ba ông Tố bảo tôi chép sự tích các nhà làm sách sai lắm.

«Sai lắm» là sai những gì ?

Ở cuốn « Việt-nam văn-học » đời Trần, dưới giòng tên của mỗi tác giả, tôi có chua thêm một hàng chữ số để so lịch ta ra lịch tây. Công việc ấy không cần phải có học vấn uẩn súc mới làm nổi, chỉ cư dở cuốn « Việt-nam sử lược » của ông Trần-trọng-Kim mà đó, ở đấy, tác giả đã tìm sẵn cả. Muốn biết năm ấy lịch ta nhằm với năm nào lịch tây, người ta chỉ nhẩm một cái tính cộng là được. Với các tác giả trong cuốn ấy, tôi đều làm theo kiểu đó và đều đúng cả. Riêng về Trần thái - Tôn đáng lẽ chua là «1218-1277» không hiểu vì sao tôi lại lầm ra «1198-1258». Vậy là tôi đã chua sai mất 21 năm. Nhưng đó chỉ là cái sai trong việc so sánh ngày ta với ngày tây, không phải là sai về chép sự tích các nhà làm sách như nhời ông Tố đã nói. Vả lại, chỗ chép tiểu sử của Trần-thái Tôn, tôi đã nói rõ «ngài sinh năm thứ tám hiệu Kiến - gia nhà Lý » và «thọ được 60 tuổi». Người đọc sách nếu đã đọc qua Việt-nam sử - lược của ông Trần-trọng-Kim, vẫn còn có thể nhận một chỗ đó mà đính chính lại giùm tôi.

Trong đoạn lược sử của Trần-Thánh-tôn, tôi nói ngài là « con thứ «Thái-tôn». Ông Tố bẻ rằng: Thánh-tôn chính là con trưởng Thái - tôn-con thứ Lý-Thị. Rồi ông lại dẫn một đoạn Đại - Việt sử - ký nói về Thánh - tôn và một đoạn « Khâm-định-Việt-sử » nói về lai-lịch của Trần - quốc - Khang, để chứng cho câu nói ấy. Chắc là ông Tố tưởng tôi vì nhận Quốc Khang là con « chính mẫu » của Trần Thái - tôn mà cho Thánh tôn là người con thứ, nên mới bắt bẻ như vậy.

Không kể, đã đọc sử, ai mà không biết Quốc-khang là con Trần-Liễu, Vì ở Đại-Việt sử-ký có nói rõ các chuyện cướp vợ tranh con ấy rồi. Tôi nói « Thánh - tôn » con thứ « Thái-tôn » là căn cứ vào nhiều cớ khác.

Đại-Việt sử-ký bản kỷ in của đời Lê, về năm Thiên-ứng-chính-bình thứ hai đời Trần Thái-tôn, có chép « Hoàng - thái - tử Trịnh - hoàng » (Hoàng thái-tử Trịnh mất). Vậy là trước khi lấy vợ Trần-Liễu và trước khi sinh ra Thánh tôn, Thái-tôn đã có con giai đặt tên là Trịnh và đã lập làm Thái-tử. Lại năm thứ mười một, hiệu Thiệu-long, sử nói Thánh tôn, Quốc-Khang đùa ở trước mặt Thái-ton, Quốc - Khang gọi Thánh-tôn là « Nhị-lang » (chàng hai) và

xem tiếp trang 18

Tri-Tân số 63 sẽ có loạt bài về Nguyễn-Du và truyện Kiều.

Tri-Tân số 64 sẽ có loạt bài về dịp kỷ-niệm đức Trần-Hưng-Đạo.

Tri-Tân số 65 sẽ là chuyên-san về vua Lê-Thái-Tổ.

Trong mấy số báo ấy, các bạn thân-yêu sẽ nhận thấy sự cố - gắng của Tri-Tân.

Vậy mong các bạn có sáng-kiến gì hay, tài-liệu gì quí, xin làm ơn góp với Tri-Tân để đi đến kết-quả mỹ-mãn. Xin cảm-tạ trước. TRI TÂN

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 16 Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

IX. — Chữ k (bài nối)

Ở trang 144 quyển *Tầm nguyên từ-điển*, dưới chữ *khảm-kha*, phải chữa chữ « khảm » *thổ* bằng chữ *khiếm*, chứ không phải *xa* bằng chữ *thậm*. Quyển *Từ-nguyên* cắt nghĩa chữ khảm-kha một là đi không lợi, « hành bất lợi », hai là trắc-trở, không gặp thời, « nhân chi bất ngộ ». Về nghĩa « không gặp thời », chữ « kha » viết *thổ* bằng chữ *khả*, cũng có khi viết *xa* bằng chữ *khả*, chữ này xuất xứ ở *Hậu-Hán thư*.

Khang-trang là đường lớn, « đại đạo giã ». Sách *Nhĩ-nhã* cắt nghĩa : thông suốt năm ngã gọi là khang, thông suốt sáu ngã gọi là trang ; « ngũ đạt vi chi khang, lục đạt vi chi trang ». *Từ-nguyên* nói là đường-xá thông suốt ra nhiều phương, « ngôn đạo-lộ thông đạt ư đa phương ».

Khâm là : 1, cái chăn lớn, — 2, đồ trong tang lễ dùng để bọc thây, « tang lễ liễm thi chi cụ », bọc ở bên ngoài áo liễm tức là liệm, rồi mới khâm. Đời xưa dùng lần ngoài vàng, lần trong trắng ; đời sau theo phẩm-cấp, các chức quan dùng các sắc đỏ, đen, v. v. *Liễm* có ba nghĩa : 1, thu, góp, thí dụ như thu thuế ; 2, nhiễm vào trong người, như sách thuốc Tàu có nói chất chua hay lễm ; « toan lễm » ; 3, liệm sắc người chết : « thấn liệm » ; chữ liệm này viết *phản* bên chữ *thiêm*, nhưng kinh truyện đều viết chữ liễm, tức là *thiêm* bên chữ *vãn*. Thay áo cho người chết gọi là tiểu-liễm, nhập quan gọi là đại-liễm. Tôi trích một đoạn trong *Thọ-mai gia-lễ* (tờ 6 a-7 a) về việc khâm-liệm ở nước ta, để độc-giả xem một lối văn nửa chữ nửa nôm, giống như lối văn đời Gia-long : « Khâm thì mỗi khâm năm khổ, dài mười hai thước. Tiểu-liễm một khâm, đại-liễm một khâm, hoặc đơn, — (để lẻ một tấm) — hoặc dùng giáp-phùng, — (khâu liền lại) Nãi tiểu-liễm đại-liễm, thì dự-chỉnh hai tấm sáp-nhĩ, — (áp tai) — hai tấm tả thủ, — (gối đầu) — túc với hình, — (chân với ống chân) cập chỉ bổ-khuyết — (và gấy đệm chỗ thiếu) cho bị-túc, — (nghĩa là đủ), mà giải chiếu ra giữa nhà chỗ rộng, đặt đồ đại-liễm xuống trước, thì trước bày năm cái hoành, — (ngang) — đo từ đầu đến chân, đặt cho đều khoảng, mới giải cái tung, — (dọc), — lên trên, rồi giải đại-liễm-khâm đè lên trên cái tung ấy ; hễ giải lần nào thì lấy bút mực làm dấu, lấy chính-trung cho đích, kim chỉ đính lấy cho chặt-chẽ Đặt đồ tiểu-liễm đè lên, thì đặt ba cái hoành, — (ngang), — thứ — rồi đến — cái tung, — (dọc). — thứ cái khâm, tiểu-liễm đại-liễm đính vào làm một, rồi bốn bên đều cuốn lại, đặt lên giường. Đã đến giờ liễm thì tang-chủ vào cử-ai, — (khóc), — qui ; chấp-sự — (người làm việc khâm liễm — cũng qui) Cáo-từ — lời (khấn — rằng : « Thỉnh nghinh nhập liễm, cẩn cáo », — nghĩa là xin đón về làm lễ nhập-liễm, kính kêu. Phủ-phục, — (cúi rạp xuống) — hưng — (dậy), — bình-thân, — (ngay mình lại) Người làm việc vào hai bên rước người, — tức người chết, — đặt lên đồ khâm liễm ấy cho chính-trung, rồi sửa gối cho chính... » v. v.

Khổn-phạm là đức người đàn bà, « phụ-đức giã ». Kinh Lễ có câu : « Nội ngôn bất xuất ư khổn, ngoại ngôn bất nhập ư khổn », nghĩa là lời nói ở trong không ra khỏi cửa buồng, lời nói ở ngoài không vào trong cửa buồng ». *Khổn* là cửa ngăn ; người đàn bà ở trong, cho nên gọi là khổn-phạm, nghĩa là khuôn phép từ cửa trở vào. *Phạm* là phép-tắc, khuôn-mẫu : « pháp giã, thức giã, mộ-hình giã » : chữ *Từ-nguyên*.

Ở trang 148 quyển *Tầm-nguyên từ điển*, dưới chữ *khống-tống*, phải chữa chữ « khống » *nhân* đứng chữ *không*, chứ không phải *thủ* bằng chữ *không* ; chữ « *tống* » *nhân* đứng chữ *thông*, chứ không phải chữ « *tống* » *tịnh* trong quai xước ngoài Khống-tống có ba nghĩa : 1 việc gấp. — xúc : « sự bách xúc giã » *Khổng-thiêm-sự tập* có câu : « Đi ép tố khống-tống trạng kỳ hoài » ở bài *Bắc-sơn di văn*, nghĩa là khi làm tờ điệp, khi làm tờ tố, rối rít cả ở trong lòng. 2, dáng sầu-khổn : « sầu khổn mao » *Sở từ* có câu : « Sầu khống-tống vu sơn-lục, sầu-khổn ở nơi rừng núi. — 3 cùng-khổn. *Hậu Hán thư* có câu : « Tương long đại-vị, tất tiên khống-tống chi giã », sắp tôn cho ngôi lớn, ắt trước phải cùng-khổn mới được. — Tiếng khống-tống thường dùng trong nhà tang-gia, chính là ở nghĩa thứ nhất, nghĩa là trong khi có tang, công việc bận-rộn vội-vàng, chứ không có nghĩa gì là đưa đám mà cắt-nghĩa như ông Lê-văn Hòe.

Khuê là cái cửa nhỏ, trên tròn dưới vuông, giống ngọc khuê. Đời xưa gọi kim-mã-môn là kim-khuê. Thơ của Tạ-Điếu có câu : «Ký thông kim-khuê tịch», đã có tên trong quyển kim-khuê. Khuê tức là cái cửa nhỏ trong cung. Chỗ con gái ở cũng gọi là khuê ; gọi là khuê-khổn nữa. *Bạch-hổ-thông* chép rằng : « Vợ thờ chồng có đủ bốn lễ ở trong ngũ luân : — « phụ sự phu hữu tứ lễ » — theo đạo vua tôi, thì khi gà mới gáy, rửa mặt, súc miệng, chải đầu, cài châm mà đến hầu ; theo đạo cha con là phải có lòng thương sót, — (trắc-ẩn) ; — theo đạo anh em thì không nên so kè tiền của ; theo đạo bè bạn thì trong chỗ khuê-khổn, trên chỗ chiếu chăn phải có nhau. »

còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Phê - bình

« SỢ' SỐNG »

của Lê văn-Trương

HỘI-THỐNG viết

Ce n'est pas en surface, ce n'est pas en largeur que la vie comp'e, mais en profondeur.
J. M GUYAU

THAM sinh úy tử, là câu cửa miệng thường nói, ham sống sợ chết, là thói thường đời. Thảng hoặc mới có một vài tâm-hồn cao thượng vì nước quên mình coi cái chết nhẹ như lông hồng, như hai bà Trưng, bà Triệu, như Võ Tánh, Ngô Tùng-Chu, v... v... Tạo-hóa sinh ra người, lại hẹn lấy năm, hình như có thâm-ý khích-lệ ta phải luôn-luôn cố gắng, không nên hoài-phí thì-giờ quý báu Nỗ-lực, lại nỗ-lực, cuộc đời của mỗi người phải là một cuộc tiến vô-hồi vô hạn đến chỗ phát-triển hoàn-toàn, nhịp-nhàng và mạnh-mẽ của các năng-lực tiềm-tàng trong nội-giới và trong cơ-thể ta, ngõ hầu trở nên một người với một khối óc, một trái tim sáng-suốt trong sạch, không hổ với tiếng tu mi nam tử, đội trời đạp đất ở đời. Phấn-đấu với vũ-trụ, với mọi trở-lực, về tinh-thần cũng như về vật-chất, phấn đấu chính mình ta, từng giờ, từng phút, để mong trở nên *Một người* với cái nghĩa huy-hoàng, sán-lạn, đầy-đủ của chữ ấy, như Kipling đã từng giải-thích trong bài thơ bất-hủ I F... (1), thật không phải dễ vậy.

Sống ở đời là cả một nghệ-thuật. Chỉ ăm, thực, nam nữ, miệt-mài trong cuộc truy-hoan, hay chôn chân trong vòng danh-lợi, rồi già, rồi chết, không đáng gọi là sống. Chỉ mưu sự vinh thân phì gia, ham một cuộc đời an - nhàn phẳng - lặng như mặt nước ao tù, vô tư-lự, trốn trách-nhiệm, sợ phấn-đấu, ghét nỗ-lực : những hạng người vô-ích cho nhân-loại ấy, nhà đại văn hào *H. Bordeaux* liệt vào hạng « *sợ sống* » (2) Cũng có nhiều kẻ, coi cuộc đời như một canh bạc, càng đánh to bao nhiêu, càng bồi-hôn bấy nhiêu (3) ; chỉ theo đuổi những cái khoái-lạc nhất-thời về vật - chất, nơm - nớp sợ cho đời người ngắn - ngủi, ngày xanh chóng tàn, sống một cách vội-vàng, nông-nổi, không hề dám nhìn thẳng vào cuộc đời, vào đáy lòng mình, để tìm nghĩa cái sống : lại một hạng « *sợ sống* » nữa (4).

Theo gương nhà văn-hào *Bordeaux*, ông Lê Văn-Trương cũng muốn chữa cái bệnh thông-thường ấy. Quyển *Sợ Sống* ra đời, là cũng mong giúp ích cho thanh-niên. Hơn nữa, tác-giả có cao-vọng muốn các bậc làm cha, mẹ phải nghĩ đến tương lai của con, cháu ; mong cho thanh-niên từ nay đừng ủy-mị, lãng-mạn, biết sống một cuộc đời có ý-nghĩa, và, nếu cần đến, biết hy-sinh tiền-tài, danh-vọng, hạnh-phúc, cho một lý-tưởng cao-thượng. Phải chăng tác-giả đã dụng công viết một cuốn luận-đề tiểu-thuyết ? Không, đây chỉ là một tập nhật-ký của một kẻ thất vọng vì tình, một bức tranh tả-chân, phô-diễn ra trước mắt ta những hành-vi, ngôn-ngữ, trạng thái tâm-hồn những thành-kiến hẹp-hòi của một hạng công-chức thủ-cựu, những cử chỉ của một đôi nam nữ thiếu-niên tân-tiến, vì hiểu lầm hai chữ « ái-tình » đến nỗi phải ôm hận mà tự sát, kẻ trước người sau.

Lời văn giản-dị, trừ một vài chỗ rườm-rà (. . . Muốn yêu, phải hay biết tàn-nhẫn, muốn thương phải hay biết tàn-nhẫn, muốn sống, phải hay biết tàn-nhẫn, tàn-nhẫn để cho việc đời khỏi đưa mình đến những cái tàn-nhẫn hơn tàn nhẫn, tàn nhẫn để rồi mà có thể yêu thương cái đã không thể yêu thương được. Sự sống, sự sống hùng-liệt, sự sống van năng xô chúng ta, chúng ta phải theo nó, theo mà cưỡi lên nó, đừng chờ đến cái phút nó đã dẫm bẹp ta v... v... Tôi gặp một người đàn bà, một người đàn bà đẹp lắm, một người đàn bà có mọi cá đáng yêu của một người đàn bà! Tôi có thể nói đó là một người đàn bà lý-tưởng cho tất cả những người đàn ông chẳng sợ hổ với cái tên đàn ông của mình... vân vân...) Cốt truyện không có gì. Những tư-tưởng trình bày trong sách mới đáng cho ta chú ý ; đấy là chỗ dụng công của tác-giả, và nghệ thuật là ở chỗ phân-tách tâm-lý của vai chính : một thiếu-niên con nhà dòng-dõi, có học-

thức, nhưng ủy-mị, đớn hèn, không có nhân cách. Tốt nghiệp ở trường ra thiếu-niên muốn sống một cuộc đời hoạt-động, muốn trở nên một nhà doanh-nghiệp. Nhưng vì thiếu nghị lực, không có đức tự tín, không nhẫn nại, không biết phấn đấu, nên rút cục, đành tuân lệnh bố, mẹ, miễn cưỡng nhập tịch nghề cạo giấy. Để tự an ủi, y cho rằng đó là «một việc cỏn con». Có biết đâu rằng đấy mới chính là một vấn đề sinh tử, vì tùy tài năng, tùy khuynh hướng của mỗi người, phải chọn một nghề thích hợp với tính tình tư cách, học lực, ước vọng của mình, thì mới mong trở nên một người có ích cho nhân quần xã-hội (5). Nếu không thì sống cũng như chết, mà « thân trăm năm cùng với cỏ cây cùng nát», đời nào có ai biết đâu ?

Kịp đến khi gặp một thiếu nữ tươi đẹp, thùy mị, nết na, người yêu trong tâm hồn, trong lý tưởng — y cũng không đủ can đảm phấn - đấu để thắng được những thành kiến về giai-cấp, và đoạt lấy cơ - hội gây hạnh-phúc cho cả một đời. Thiếu-nữ được tin ý - trung - nhân bắt-buộc sắp phải lấy vợ, đâm đầu xuống giếng tự-tử. Quyết liều sống thác với tình, chàng uống nước át-xít để theo người yêu xuống thuyền đài. Lần đầu ta thấy y có một hành-vi cả-quyết. Chưa chết (chỉ thành một phế nhân), y thu hết tân lực để chép tập nhật-ký, vì trong một phút giác - ngộ, y chợt hiểu một cách đau - đớn, thấm-thía, lẽ sống ở đời. Y mong rằng tập nhật-ký sẽ biến ra thành sách, « để cho mỗi trang... đem thêm cho các bạn (độc - giả) một chút ít nghị - lực ». Nghĩ như thế y thấy trong lòng vui - sướng và y cảm thấy rằng y « đã làm đầy-đủ cái bổn-phận của đời » y rồi ; y cầm súng tự sát Lần thứ hai, và lần cuối cùng, ta thấy y có một cử chỉ cả-quyết,

Tác - phẩm của ông Lê Văn-Trương nêu lên hai câu hỏi :

1 — Sống thế nào cho ra sống ? Làm trai thế nào cho đáng nền trai ?

2 — Thanh-niên có quyền được huy-hoại đời mình không ?

Tác-giả vốn vẫn ưa « triết - lý sức mạnh », nên ta không ngạc-nhiên chút nào khi ta thấy người lý-tưởng của ông phải là « người hùng ». Nhưng thế nào là người hùng ? « Chẳng thấy thèm muốn nhưng cái mà thế nhân thèm muốn,... chẳng thấy xót xa nhưng cái mà thế-nhân xót-xa », « cưỡi lên sự sống », là hùng chăng ? « Sống ngang-tàng cái bản-thể của mình », « vượt ra các khuôn-khổ tầm thường , phải biết tàn - nhẫn, là « sống một cách hùng liệt » ư ? Vị tất đã là phải ?

Vì sao ? Trải qua nghìn năm thâm-nhuần Khổng-giáo, đạo trung dung đã tạo cho nước ta biết bao trung thần nghĩa-sĩ, liệt-nữ, anh-hùng. Các bậc đó sở-dĩ được lưu danh thanh-sử, cũng là vì đã khổ công ma-luyện, lẳng lặng trau giồi nhân-cách cho được hoàn - toàn, hiểu thấu đạo làm người, biết thực hành ba đức *trí, nhân, dũng* (6) ; lúc nào cũng tâm niệm mấy câu *tu, tề, trị, bình*, là chân lý của muôn thuở. Cho nên người hùng, và câu « muốn được sống một cuộc đời đáng sống, phải biết không sợ sống » của ông Lê văn-Trương thì e no cũng chẳng mới mẻ gì.

Con như thất vọng vì tình mà đến nỗi phải quyên-sinh, thì « nhỏ nhen quá », Đáp lại câu hỏi : Đời người có đáng chán không ? Thanh niên có nên buồn không ? Thượng Chi tiên - sinh đã từng khuyên nhưng kẻ đầu còn xanh tuổi còn trẻ : « (Đời người) dẫu đáng chán mười mươi mà vị nước cũng không được chán ; dẫu đáng buồn mười mươi mà vị nước cũng không nên buồn » (7) Phải chăng vì chúng ta ngay từ khi mới lọt lòng ra đã « ơn nhà, nợ nước » mang nặng hai vai ? « *Nhập thế cục bất khả có công nghiệp ; xuất mẫu hoài tiện thị hữu quân, thân* » Nợ nhà, nợ nước, bổn - phận ta phải làm sao trang trải cho trắng nợ nam nhi

Có phải là một sự dễ dàng đâu ! Chàng thanh niên trong tập *Sợ-sống* sau khi đã gây nên cái chết thảm khốc cho người yêu, cứ yên trí là viết một tập nhật ký để lại, rồi lấy cái chết để tạ người tri-kỷ, là đã làm đầy đủ cái bổn phận ở đời rồi ! Than ôi ! nếu chết mà dung dị như thế, bổn-phận người ta mà giải-quyết được một cách ngạo-nghễ, cả-quyết và vắn tắt như thế thì cũng đáng buồn thay cho những nhà ngôn-luận từ trước đến nay, đã tốn bao nhiêu tim óc để cố tìm cái ý nghĩa của sự sống, chết, ở trên mặt trái đất già cỗi này.

Nói tóm lại, tác-phẩm của ông Lê văn-Trương chỉ có một giá trị tương đối về văn - chương cũng như về tư-tưởng. Tác giả đáng khen chăng là ở chỗ đã có một ý-định tốt : muốn độc giả nên ngẫm nghĩ về sự sống Còn có đạt được mục đích hay không, đó lại là một chuyện khác. Riêng về phần tôi, xin thú thực rằng khi đọc xong tập Sợ Sống không thấy xao xuyến trong lòng, và khi gặp sách lại, cũng không thay phấn khởi tâm-hồn chút nào. Có lẽ tại những nhân - vật tầm - thường ở trong truyện đã không cảm hóa được tôi chăng ?

HỘI THÔNG

1. If... in Rewards and Fairis.

2. 4, Cf. *H. bordeaux*, La Peur de vivre 1902 — Preface, 1905.

3. *P. Mérimée*—La vie est un tapis vert où l'on ne s'amuse qu'autant que l'on joue gros jeu. Cite par H. Bordeaux, Id.

5. *Pascal*—La chose la plus importante de toute la vie est le choix du métier

6. Hiếu học cận hồ trí ; lực hành cận hồ nhân ; tri sĩ cận hồ dũng (Trung dung).

7, Cf. Phạm-Quỳnh, Thanh niên có nên buồn không ? (Nam-phong, Février 1923).

Du-ký

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA-BỂ

Số 5

NHẬT-NHAM

ĐỀN này vẫn có tiếng linh-ứng, nên hằng năm đã hấp dẫn được nhiều khách thập-phương suôi ngược lên chiêm bái.

Đầm-Hồng chỉ có một dãy phố theo dọc bờ sông, các cửa hàng buôn bán cũng đông vui, phu thợ đều ở tất cả day phố này.

Đầm-Hồng địa thế hẹp, một bên dựa vào núi và bên dựa vào sông. Dân cư dùng toàn nước sông, mà đến mùa nước lũ, trong nước có lá han rất độc, thường gây nên bệnh sốt rét. Cho nên Công-ty Mỏ vẫn p ải cho một người khán hộ vào khám bệ h và phát thuố . Chính khi qua phố, người khán-hộ này cũng vẫy xe hỏa đề về Chợ Điền. Chúng tôi nhân lại được một bạn đồng hành quen thông-thồ đề hỏi chuyện

Ra khỏi phố Đầm-Hồng, xe hoa bắt đầu chạy mau qua ác dẫy nui cao. Khi thì hai ben đ`u núi đường hoa-xa đi giữa; k i thì một bên là núi, một bên là thung lũng, có vực xâu thăm-tham; có khi một bên là thác ở tren cao đồ xuống ầm ầm.

Cách Đầm-Hồng năm cây số, xe hỏa bắt đầu xuống dốc Bản-hao dài bốn cây số. Ông Khán-hộ bèn tháo xích cho lory rời về đằng sau, không cần đầu tầu kéo nữa. Lory cứ một mình theo dốc chạy xuống từ từ, quanh nhiều khúc-khuỷu mà không xảy ra sự gì. Tàu hỏa xuống dốc nhanh hơn, lory chạy cách xa xe lửa một quãng, nên chung tôi rộng tầm con mắt, dề trông bốn mặt, lại được mát mẻ và tránh được cái bụi than tầu.

Cạnh đường tầu, có một ngọn suối chảy rất mạnh: nước từ cao đồ xuống qua các tảng đá lớn, tỏa ra nghìn tấm bạc, trông thực đẹp! Ti ng nước chảy ầm ầm, như có thiên binh vạn mã, nghe mà rùng rợn! Nếu vô ý mà sa chân xuống đấy, thực chết không kịp ngáp, có thánh phục-sinh cũng vô kế khả thi! Chỉ nháy mắt là thành một cái xác vô hồn, thịt nát, xương tan, bị luồng nước dập vùi, nện xuống các tảng đá như búa, đe thiên tạo, rồi cuồn-cuộn bị cuốn đi một nơi vô cùng tận...

Tôi thấy thế, nhân nói đùa: Ở Hà-thành thời-thường có nhiều phụ-nữ hoặc vì trách phận, hờn duyên, hoặc vì không được đức lang-quân nuông chiều, hoặc vì đa-cảm, đa sầu, mà sinh ra yếm-thế, có khi nhảy xuống hồ Gươm sông Cái trẫm mình đề làm mồi cho miệng cá, kẻ thì thực tình tự-tử, người thì dọa cha mẹ, chồng, con, tìm chỗ nông nhảy xuống dề mong có người cứu vớt. Vì thử gia-đình nào có hạng vợ con như thế chỉ chịu tốn ít tiền lộ-phí cho đến thác Bản-hao này mà vãn-cảnh, thì thiết tưởng dử thính cũng không dám nghĩ đến việc tự-tử nữa! Cái môn thuốc «chán đời» này tuy có tốn, nhưng chỉ tốn một lần mà chữa ngay được cả bệnh căn, dề mang lại cho gia-đình cuộc yên vui hòa lạc.

Dốc Bản-hao dài 4 cây số, lory tới chân dốc dừng lại, mà đoàn xe hỏa đến đấy cũng đỗ lại lấy nước! Lory lại mắc xích nối vào xe hỏa. Xe hỏa lại bắt đầu chạy.

Thỉnh thoảng, tầu chạy qua suối. đường sắt uốn khúc, trông rất nguy hiểm. Có khi tầu chạy qua hang đục xiên các núi đá, trên có thạch nhũ rủ xuống, có nước rơi róc-rách! Sau khi tầu ra khỏi hang, trông lại phong cảnh thực hữu tình! Du khách có thể tưởng-tượng những tunnels trên đường hỏa-xa Vân-nam cũng như thế này mà thôi!

Đục núi đá, vừa đủ chỗ cho xe lửa chui qua, công-cuộc khai sơn phá thạch của người Pháp thực là một công trình vĩ-đại! Người Pháp đi đến đâu, trước hết nghĩ đến việc mở các đường giao-thông là những con đường huyết mạch, ảnh-hưởng đến nền kinh tế trong xứ Dù gặp trở lực đến thế nào, họ cũng không từ.

Dọc đường có tất cả bầy cái hang nhân tạo gọi thường là tunnels. Tunnel đều ngắn cả, trừ có cái hang Dột là dài nhất.

Đường hỏa-xa vẫn phải sửa chữa luôn luôn. Chỗ nào có phu làm, lại thấy ông khán-hộ ném ít ký ninh vàng xuống cho phu uống, đề trừ sốt rét rừng. Đá nhỏ xếp ở chân đường sắt cũng do phu sở đốt mìn ở một quả núi đá gần đường tàu, rồi đập nhỏ đề dùng.

Cách Chợ-Điền 10 cây số, tầu lại dừng lại đề lấy nước ở suối Bản-loàn. Đến đây, mấy người phu mắc thêm một cái goòng trên đề hai cái thùng to tròn. Ông khán-hộ cho biết đó là hai thùng các ông Tây Mỏ dùng, vì nước suối, chở về Chợ-Điền cho Suối Bản-loàn đã được sở Hóa-học Hanoi phân chất, công nhận rất tốt không kém gì nước Vichy nhà máy nước đá Chợ-Điền vẫn dùng nước suối Bản-loàn này đề làm nước đá.

Tàu lấy nước xong, mở hết tốc lực chạy qua một miền bình-thản. Cách Chợ Điền 4 cây số có nhà máy điện. Nhà máy điện này dùng sức nước do các ống từ trên đỉnh núi truyền xuống, dề chuyền động-cơ, tây gọi là sức «than trắng» Điện sản-xuất ở nhà máy do giây điện truyền về Chợ Đ ền.

Không mấy lúc, phong-cảnh Chợ-Đ ền đã xuất-hiện! Xa xa đã trông thấy nhà ngói xây trên các ngọn núi, khói bay trên nóc các nhà máy, một thành-phố kỹ-nghệ lập trong một thung lũng, chung quanh có núi bao-bọc.

Tầu gần vào đến ga, tôi trông thấy một cái ô tô nhà có 4 bánh sắt nằm trên đường hỏa xa. Hỏi ra mới biết đó là Autorail của Công-ty Mỏ tự chế, dề dùng cho mau-chong. Cũng là một sáng-kiến hay!

Tàu đỗ ở ga Chợ-Đ.ền, đã t hấy gia-đệ cùng hai tên lính-cơ đứng đón, Anh em tay bắt mặt mừng, cùng nhau hỏi qua loa vài câu, rồi về nha. Nha xây trên một ngọn núi, nên phải leo dốc và trèo nhiều bực thang. Tới nơi, đúng bầy giờ chiều, vừa giờ lên đèn.

Đứng trên nha, trông xuống chung quanh, vẫn có cảm-tưởng ở giữa một thành-phố, dưới những ngọn đèn điện sáng-sủa, có khác chỉ thêm núi cao, rừng rậm, suối chảy, thông reo của thợ Tạo an-bài...

Từ Chiêm-hóa qua Đầm-Hồng vào tới Chợ-Điền, từ trưa đến tối, luôn luôn di-chuyền, một bước không ngừng, cạnh đường không hàng quán khát không nước uống, mưa không nơi ẩn, thực cũng là một cuộc phiêm-du dầy công-phu và kien-nhẫn vậy! Thế mà đương lúc mỏi gối chồn chân được nơi cao không-khoáng yên nghỉ, đương lúc miệng khát, mà tại nơi sơn-lâm lại có nước tranh, rượu bia nước đá giải lao, cái giờ sung-sướng nhất đời tôi, có nhẽ trong lục ấy!.. Mà một nơi rừng nui xa lánh không phải không có luc làm cho người ta được sung sướng, ngoài những tên «ma thiêng, nước độc, núi đỏ, rừng xanh.

Tắm rửa, cơm, nước xong, qua vài câu về chuyện nhà chuyện đi đường, tôi thiếp đi lúc nào khong biết, lúc tỉnh dậy đã thấy rạng đông

Sau hai ngày đi đường khó nhọc, một đêm nghỉ cũng chưa đủ lại sức, nên chúng tôi nhất định nghỉ luôn một ngày nữa, chưa ra nhà vội, đợi cho người khỏe thực, sẽ đi thăm phong-cảnh Khi đó, tinh-thần sảng khải, mới hưởng được nh.ều sự khoái hoạt.

Nhưng tuy nghỉ vậy, cũng chỉ nghỉ về phần xác thịt thôi. Không muốn bỏ phí thì giờ, vả ngồi rồi cũng buồn, tôi bèn hỏi chuyện gia-đệ về tình hình chính-trị và kinh-tế hạt Bản-ti thuộc quyền cai trị của gia-đệ, nhân dịp dò xem gia-đệ có thông suốt dư-đồ giải giang-sơn mình đương nhậm có đủ tài lược đề mưu hạnh phúc cho dân hạt hay không. *(còn nữa)*

NHẬT-NHAM

Cải-chính

T. T. số 61, trang 6, cột 3: «Tính dậm-dật», sửa là «Tính *dâm*-dật»! trang 20, cột 2 «» *Đồn* sâu», in đọc là «*Đòn* sâu đút nối nhịp mau thưa».

Tin vắn hằng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Hội Phật-giáo Bắc-kỳ nhân nay đã làm tiệm xong ngôi chùa trung-ương Quán-sứ, định đến 13 9 1942 sẽ làm lễ nhập định tượng Phật-có làm nhiều khóa lễ theo Phật giáo. Hội có lời mời thiện-tín thập phương đến chùa dự lễ trong dịp ấy.

Chiều hôm 30 Aout 1942, hội Tri-Tri, một hội học đứng đắn, đã họp đại hội đồng tại nhà hội quán phố Hàng Quạt. Ban trị sự cũ lại được tái cử. Họp xong, tất cả 76 người dự hội đồng có đặt tiệc kỷ n ệm ngũ thập chu-niên.

Chiều hôm 3 se ptembre, tại Bắc-kỳ có báo động. Các phi cơ Tàu bay qua địa hạt Bắc kỳ, thả bom xuống miền lân cận trường bay Gia'âm. thiệt hại rất ít.—*Thông cao*

Đón coi kỳ sau:

1) *Thân-thế và văn nghệ của nhà thi hào Nguyễn Du*
của HOA BẰNG

2) *Những văn thơ hay trong tập vịnh Kiều*
của các cụ CHU MẠNH-TRINH — NGUYỄN-TẤN-GẢNH — NGUYỄN-KỲ-NAM CHU THAP HI

3) *Ân các nhân-vật trong truyện Kiều*
của cụ YÊN-ĐỒ

4) *Mấy bài vịnh Kiều và tập Kiều*
của vua MINH-MỆNH và cụ HÀ TÔN QUYỀN

Ai muốn viết thư trao đổi ý-kiến về các vấn đề tinh-thần xin gửi đến

M. Tứ-Hải

▼

Boite Postale N° 74, Saigon

Tiết-tháo các ông thày và tình thày trò hồi trước

Tiên-Đàm NGUYỄN TƯỜNG-PHƯỢNG

Tối 22 Août 1942, ban Giáo-khoa hội Truyền-bá Quốc-ngữ có tổ-chức cuộc nói chuyện tại hội-quán hội Trí-tri Hà-nội. Bạn Tiên-Đàm Nguyễn tường-Phượng, bản chí chủ-nhiệm, được cử ra nói chuyện. Bài diễn-thuyết ấy xin đăng dưới đây :

Thưa cụ Hội trưởng,
Thưa các bà,
Thưa các ngài,

TRƯỚC hết, tôi xin cám ơn cụ Hội-trưởng và ông Giám-đốc Nguyễn Duy-Tinh đã cử tôi ra hầu chuyện các ngài.

Giời mùa hè này, nhiều người còn phải đi Đồ-sơn, Sầm-sơn hóng gió mát, hay lên núi cao tránh nắng, thế mà các ngài lại bỏ hẳn những thì-giờ nghỉ đến đây nghe chúng tôi nói chuyện suông, thật là một cách «nghỉ hè» hơi lạ, lạ nữa, những câu chuyện chúng tôi sắp nói không được mát mẻ như những cơn gió nam, mà các ngài ngồi lâu chỉ thêm bức và sốt ruột !

Thưa các ngài, nói chuyện thế-giới ở đây không hợp thời, vì trước những trận mưa gang, bão thép ở hai châu Âu Á, chúng ta biết sao hết mà dám bàn định hơn thua. Còn như chuyện xã hội ? Xã hội nay cũng nhiều chuyện hay lắm, nực cười lắm, nhưng không phải là chuyện có ích cho các nhà mô-phạm.

Các ngài đây, phần đông, đều là những sứ-giả của hội Truyền-bá Quốc-ngữ cử ra thay mặt cho hàng nghìn hội-viên, để chống nạn thất học, dìu dắt anh em nghèo từ chỗ hang tối ra nơi bóng sáng. Các ngài đã nhận một cái phận sự rất thiêng liêng, một bổn phận rất cao thượng, tôi không thể tả cho hết được, chỉ xin hình dung bằng một mẩu truyện con con :

Tôi vì phận sự, thường hay xuống Dạ-lữ-viện của hội Hợp-thiện. Không có gì cảm động bằng những đêm mưa phùn, gió rét, trong một gian nhà rộng' một vị giáo viên cùng mấy chục anh em nghèo làm việc, mặc cho giời lạnh, mặc gió bấc thổi, ông thầy ra công dạy, học-trò hết lòng chăm chỉ, ngày tháng cứ thôi, mà công việc hằng ngày vẫn cứ đều đều như vậy.

Thầy các ngài làm việc như vậy mà lại không có lương-hướng gì cả, tôi sực nhớ đến các ông đồ nho khi xưa, nếu đem ví với các ngài kể cũng chỉ khác nhau ở chỗ thời-đại mà thôi.

Cho nên hôm nay, tôi xin phép hầu chuyện về «*Tiết-tháo các ông thày và tình thày trò hồi trước* ».

Tôi là một người kể chuyện rất vụng về, lẽ tất nhiên «con cà con kê» hay «đầu Ngô mình Sở» dám mong các ngài thể lượng cho, tôi xin kính tạ trước.

Thưa các ngài,

Theo quan-niệm Hán học : người ta ở đời, nhờ cha mẹ sinh ra mình, lại phải nhờ thày dạy cho mình thì mới khôn, biết việc này hay việc khác, mới nên người ; cho nên đạo học trò ở với thày cũng phải coi như con với cha. Vì vậy, có chữ «quân, sư, phụ».

Ông thày ngày xưa là cả một cái gương sáng, học trò soi vào đấy mà bắt chước, các bậc đạo đức, mô-phạm đã được suy tôn như «núi Thái-Sơn», như sao «Bắc-đẩu», cho nên ông thày cũng phải lo sao cho xứng-đáng làm thày.

Ngay cuối đời Trần, bậc danh nho Chu Văn-An đã làm tiêu-biểu cho cái tiết-tháo một ông thày, đáng làm khuôn mẫu cho các ông thày khác.

Tiên-sinh là người làng Quang-liệt, huyện Thanh-trì. Tính nết rất ngay thẳng, điềm đạm, không ham danh lợi chỉ cốt lấy sự tỏ đạo thánh nhân, triệt mối dị-đoan làm việc mình.

Ông có mở trường dạy học ở thôn Cung-hoàng, học trò đến học rất đông. Nhiều người hiển đạt như Phạm Sư-Mạnh, Lê-Bá-Quát đều làm đến Tể-tướng mà vẫn phải giữ phép học trò, đứng hầu dưới thềm.

Trong năm Khai-thái đời vua Trần Minh-Tôn (1314-1329), vua nghe tiếng ông là bậc đạo học mô-phạm, bèn vời vào làm Quốc-tử-giám tư-nghiệp.

Đến niên-hiệu Đại-trị đời vua Giụ Tôn (1341-1369), chính-sự suy đồi, quyền thần kiêu-ngạo ; ông dâng sớ xin chém 7 người, nhà vua không nghe, vì thế ông cởi mũ, giả chức quan, xin về làng cũ.

Rồi về ẩn ở núi Phượng-hoàng, huyện Chí-linh, tỉnh Hải-dương, lấy hiệu là Tiều-Ẩn, vui với núi non, an bần lạc đạo.

Nhà vua muốn triệu ra làm tướng, nhưng ông nhất định không chịu làm quan nữa.

Bà Hoàng-Từ Thái-hậu đã nói rằng : «Người ấy là bậc cao hiền, Thiên-tử không có quyền bắt người ta làm tôi được».

Vua sai ban áo mũ cho ông, ông nhận nhưng lại đem cho người khác. Học trò, cả nước đều kính trọng.

Về sau, ông mất, vua Trần Nghệ Tôn (1370-1372) sai quan đến dự tế, ban tên thụy là Văn-Trinh và cho hiệu là Khang-Tiết tiên-sinh, cho được tòng tự vào Văn-miếu ngang-hàng với các bậc tiên nho.

Đến nhà Lê, vị cao-sĩ Nguyễn-Bỉnh-Khiêm cũng là một ông thày đáng chú ý. Tiên sinh người làng Trung am (nay là Cổ-am) huyện Vĩnh-lại (nay là Vĩnh bảo) tỉnh Hải-dương.

Ông sinh về năm Tân-Hợi (1491) đời Hồng-đức (niên-hiệu vua Lê thánh-Tôn), người đẫy-đà to lớn, mặt mũi khôi ngô, và thông minh rất sớm.

Nhưng ông sinh ra gặp thời loạn nên quyết đi ở ẩn.

Niên-hiệu Quang-thiệu đời Lê Chiêu-tôn (1516-1521) có việc biến loạn, nhà nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, ông tính thái-ất biết nhà Lê sẽ phục hưng được, có bài thơ cảm hứng như đây :

Non sông nào phải buổi bình thời
Thù đánh nhau chi khéo nực cười !
Cá vực, chim rừng, ai khéo đuổi

Núi xương, sông huyết, thấm đầy nơi ;
Ngựa phi chắc có hồi quay cổ,
Thú dữ nên phòng lúc cắn người.
Ngán ngẩn việc đời chi nói nữa,
Bên đàm say hát nhởn - nhơ chơi.

Về sau, nhà Mạc chiếm Kinh-đô Thăng-long, bốn phương đã hơi yên ổn ; bạn hữu nhiều người khuyên ông ra làm quan. Bất đắc dĩ ông phải ra thi, đỗ Trạng-nguyên niên hiệu Đại-chính (1530-1540) nhà Mạc, bấy giờ đã 44 tuổi.

Làm quan được 8 năm, trước sau đăng sớ hạch 18 người lông thần, nhưng vua không nghe, ông cáo quan về.

Rồi lập nhà gọi là Bạch-vân-am, vui chơi non nước. Vua Mạc tôn quý ông, thường cho người đến hỏi những trọng sự.

Năm Ất-dậu (1585), ông thọ bệnh mất. Nhà Mạc tặng Lại-bộ Thượng-thư, Thái-phó Trình quốc-công. Vì thế, đời gọi là ông Trạng-Trình.

Học trò ông rất nhiều, trong số ấy có Lương Hữu-Khánh, (1) Phùng Khắc-Khoan (2) đều là danh thần đời Lê Trung-Hưng.

Dưới triều Tây-sơn (1778-1801), nhà ẩn-sĩ ở La-sơn là Nguyễn-Thiệp nguyên làm Tri-huyện Thanh-chương ở Nghệ-an về cuối Lê. Khi nhà Lê mất, ông ở ẩn, dựng nhà ở Lục-niên thành, dạy học trò, vua Quang-Trung nhiều lần cho mang lễ vật đến vời, nhưng ông nhất định chối từ không nhận cũng như không chịu ra làm quan.

Trong thư từ giao thiệp còn lại ngày nay, ta còn thấy vua Quang-Trung, vị anh hùng đã phá tan quân nhà Thanh, trong sự xưng hô, vẫn tôn ông là La-sơn phu-tử. Đủ biết đức vọng của sử sĩ ấy thế nào !

Dưới triều Nguyễn ta cũng có mấy vị cao-sĩ, tưởng nên thuật qua ra đây để góp vui câu chuyện.

Ở vùng Nghệ-tĩnh có ông Thám Nhất là một bậc mô phạm có tiết-tháo.

Tiên-sinh húy là Nguyễn Đức-Đạt, hiệu là Nam-sơn Khả-am, sinh năm Ất-dậu (1825), niên hiệu Minh-Mệnh thứ sáu, thông-minh, lỗi-lạc ; đỗ Cử-nhân khoa Ất-tỵ (1845), niên hiệu Thiệu-Trị thứ năm, và đỗ Thám-hoa khoa Quí-sửu 1853), niên hiệu Tự-Đức thứ sáu.

Cụ đã ra làm Đốc-học An-tĩnh, năm Tự-Đức thứ mười sáu (1863), ngự-sử ở Huế năm Tự-Đức thứ mười tám (1865) rồi rã Án-sát, Bố chính Thanh-hóa, Tuần phủ Hưng-yên và cáo quan về năm Tự-Đức thứ hai mươi chín (1876), mở trường dạy học ở núi Đông-sơn.

Cụ mất năm Đồng-Khánh thứ hai 1887), thọ 63 tuổi.

Ngày nay ai đi vào Trung-kỳ, qua miền ấy còn thấy chỗ núi Đông-sơn, nhà bia « Tam bình nhàm » và giếng đường của cụ Thám Nhất. Ngay gần đấy có phần-mộ cụ trên mộ có bi-ký kể công-đức của thầy do hai ông học trò là Hoàng Cao-Khải (3) và Cao Xuân-Dục (4) dựng nên.

Ai vào Ninh-bình cung chiêm lăng vua Đinh, không nên quên thăm Liên-hoa-đông.

Động này là nơi ẩn cư của cụ Hoàng-giáp Tam-đăng Phạm Văn-Nghị (cụ là người làng Tam-đăng, nay là Tam-quang) tỉnh Nam-định đỗ Hoàng-giáp đời Tự-Đức (1848 1883), làm quan có tiếng là thanh-liêm, sau cáo quan về dạy học. Chung quanh động có ngòi nước, cụ cho giống sen, đặt tên là động Liên-hoa. Thường khi xong buổi học, cụ lại ra điếu-đài, thả một cần câu, khác nào Tử-Nha câu trên sông Vv.

Đến nay trong văn-giới còn truyền tụng hai bài *thuật hoài* của cụ :

Ta chẳng trêu ai, chẳng ghẹo ai,
Ơn vua về ở động Thiên-thai.
Thiên-thai chỉ thấy non cùng nước,
Non nước làm vui gác chuyên ngoài.

Một cần câu tới thạch bàn,
Cá tuy không được, chỉ ngồi gan.
Dù ai xem giỏ cười không cá,
Không cá nhưng ta đã được nhàn.

Thật là cao khiết và cốt cách thần-tiên !

Học trò cụ Tam đăng đông lắm, trong số ấy có ông Tam-nguyên Yên-đổ (5).

Dưới đây là chuyện giai-thoại trong trường cụ :

Gặp khoa thi hương, cụ Tam đăng gọi học trò đến dặn rằng :

— Năm nay thi, anh Vị-Xuyên (?) lấy cho thầy cái Thủ-khoa trường Nam, anh Yên-Đổ cái Thủ-khoa trường Hà, còn anh Vị Xuyên đến kỳ thi Hội cố giật nốt cái Tam-nguyên.

Tan buổi học, ông Yên-Đổ tức lắm bảo với ông Vị-Xuyên rằng :

— Thầy khinh tôi quá, thầy cho tôi chỉ đỗ được Hương thôi.

Ông Vị-Xuyên vội giả nhời :

— Không phải thế đâu, bình nhật tôi vẫn kém anh, thầy nói thế là khuyên tôi cố theo được bằng anh đấy.

Quả nhiên khoa Hương ấy hai ông cùng đỗ Thủ-khoa ; đến Đình-thi ông Vị-Xuyên đỗ Đình-nguyên, còn ông Yên-Đổ hỏng tuốt.

Mãi hai khoa sau ông Yên Đổ cải tên là Nguyễn-Khuyến ở lại Kinh học Quốc tử giám mới đỗ. Xem đấy thì biết không phải chỉ cha mới biết tính con, ông thầy khi xưa cũng xét biết cả tính hạnh và tương lai của học trò.

Những điều đáng chú ý nhất là cái tính bẻ bạn khi trước rất tốt ; nếu không, chỉ một lời nói của ông thầy như trên cũng đủ xảy ra sự không hay giữa hai ông Vị-Xuyên và Yên-Đổ rồi.

Còn nữa

Tiêu-Đàm NG. TƯỜNG PHƯỢNG

1· Lương Hữu-Khánh là con giai ông Bảng-nhãn Lương Đắc - Bằng, người làng Hội-triều, phủ Hoằng-hóa, tỉnh Thanh-hóa, giúp nhà Lê Trung-Hưng, làm quan đến Binh bộ Thượng-thư.

2· Phùng Khắc-Khoan người làng Phùng-xá, huyện Thạch-thất, tỉnh Sơn-tây, giúp nhà Lê Trung-Hưng, có đi sứ Tàu, làm quan đến Thái-phó, tước quốc công.

3· Ông Hoàng Cao-Khải hiệu Thái-xuyên, người làng Đông-thái, phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-tĩnh, đỗ cử-nhân, làm quan đến Thái-phó, tước Duyên-mậc quận-công, có soạn nhiều sách bằng quốc-âm.

4 Ông Cao Xuân-Dục người Diễn-châu, Nghệ - an, làm đến Lễ bộ Thượng thư có soạn nhiều sách.

5 Ông Nguyễn tất-Thắng, sau đổi là Nguyễn - Khuyến, người làng và tổng Yên-đổ, tỉnh Hà nam, đỗ Tam nguyên, làm quan đến Sơn Hưng Tuyên Tổng-Đốc, có tài làm văn nôm nhiều bài được truyền tụng.

Nam-đàn bát-châu tục-thảo

Số 4

Tác-giả : TÙNG-VÂN đạo-nhân

VII

Vịnh-hoài Nam-sử cổ-tích bốn bài

(Bốn bài đền thơ soạn)

Bài thứ nhất — Thánh Phù-đổng

Cứu khổ-nạn, mà lánh xa quyền, lộc, tước :
Thói vĩ-nhân vì nước xưa nay.
Xui nên những sự lạ thay !
Mây kia ngựa sắt, núi này áo nhung.
Ba tuổi, nghiệp Hùng tay chống vác,
Nửa chiều, non Vũ giặc tan-tành.
Hội Phù-đổng, miền Bắc-ninh,
Chẳng mưa thì gió, hiển-linh phi thường,

Chú-thích

Vịnh-hoài : Thơ Đường vốn có một thể-tài là « vịnh hoài cổ-tích, tức là « Vịnh sử » với « Hoài cổ », hai thể hợp nhất, rất có mầu-nhiệm thú-vị.

Mây kia ngựa sắt, núi này áo nhung : Cổ-sử : Ngài người làng Phù-đổng, lên ba tuổi, hốt nhiên biết nói, ứng lời Hùng-vương cầu tướng, đi đánh giặc Ân ở Vũ-ninh sơn. Giặc tan, ngài liền cưỡi ngựa sắt, bay lên trời, giải thoát bộ nhung y ở núi Sóc-sơn, tục gọi núi Đồi-mã, nay thuộc Phúc-yên, Đa phúc. *Áo nhung* là một thứ áo giáp dùng để đi đánh giặc. *Chinh-phụ ngâm : « Áo nhung trao quan vũ từ đây ».*

Phụ-thuyết quang-cảnh hội Dóng

Miền Bắc-ninh, Tiên-du hàng năm mồng tám tháng tư là ngày hội Dóng (tức Phù đổng). Đền cổ, nguy nga nghiêm túc, tiếp giáp triền sông Thiên-đức đê cao, bãi rộng. Ngựa thần đứng trên xe, dân hết sức kéo và chạy. Cờ phất, quân reo, nữ tướng của giặc Ân làm bộ lai hàng. Lại thường gặp cơn giông tố trợ oai, vì mùa ấy là tiết hạ mùa mưa, thường có mưa to gió lớn; sọng cái lòng tín ngưỡng của người ta cho là oai-linh ngài bất diệt. Duy quân tử nên hiểu rằng dù thế nào mặc dầu, ngài là một vị cổ thánh nhân ân bang cứu quốc, đứng đầu trong lịch sử trời Nam, trộng lên mây xanh, tưởng lúc nào cũng thấy bóng gươm vàng ngựa sắt, chẳng những gì ngày hội Dóng. Ngài sở dĩ bất diệt, là vì người ngài kỳ dị, cộng ngài phi thường, danh ngài tối-cổ, đức ngài cao thượng.

VIII

Bài thứ hai — Tiên Dạ-trạch

Ngàn lau-sậy, chầm gì? chầm Nhất-dạ.
Nhớ ngày xưa, tiên đã thăng tiên.
Bến này vốn gọi Tự nhiên ;
Phỉ nguyền Ngọc nữ, đẹp duyên Kim-đồng.
Người tuấn kiệt, móng rồng thành sự nghiệp,
Khách trần ai, giấc điệp hiển công danh.
Nước non tạc chữ hữu tình ;
Tay tiên giúp cuộc thái bình nhân gian.

Chú thích

Chầm Nhất-dạ : Ngoại sử : Tiên Dung, Chử Đồng Tử một đêm thăng tiên, lâu đài sụt xuống thành chầm, người đời sau nhân gọi là « Nhất dạ trạch », nay thuộc Hưng yên, phủ Khoái châu.

Bến Tự-nhiên : Hai người thành phu phụ vốn tự duyên trời tác-hợp, chẳng hẹn mà nên, người đời sau nhân gọi bến đó là « Tự nhiên châu » (Tự - nhiên châu tức là chỗ Nhất dạ trạch, vốn nhiều lau sậy)

Ngọc nữ, Kim đồng : Danh hiệu hai vị thiếu niên tiên.

Người tuấn kiệt : Tức là Triệu - Việt - vương Ngoại sử : Chử tiên cho vua Triệu bộ móng rồng để chế mũ đầu mâu, từ đó đi đánh quân Lương, đánh đâu được đấy, lập thành vương nghiệp ở đất Long biên.

Khách trần ai : Tức là ông Nguyễn Trãi nhà Lê. Ông Trãi thủa hàn vi, yết miếu Chử tiên, tiên ứng cho mộng tốt. Sau ông Trãi vào Lam sơn tìm vua Lê Lợi, quả nhiên giúp vua Lê đánh được giặc Minh, công danh hiển bách trọng Lê sử. « Trần ai » là kẻ anh hùng khi vị ngộ, còn hỗn-tạp trong đám bụi trần. Câu đối cổ : « *Ai công-hầu, ai khanh tướng, còn trần ai, ai dễ biết ai* ».

Điệp : Con bươm bướm. Giấc điệp tức là giấc mộng. Sách *Trang tử :* « Trang Chu từng chiêm-bao thấy mình hóa làm con bươm bướm ».

(kỳ sau sẽ tiếp)

Hà-đông, NGUYỄN-ĐÔN-PHỤC

Muốn làm giàu, mua vé số
Đông - Pháp
1p00 một vé

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 39 Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

CXXXI

Con rể tế bố vợ (1)

Than rằng ; *Người lấy trăm làm hạn, mơ - màng chót đã mấy trùng khơi ; con dâu nửa là tình, mảy chút cũng rằng muôn sự đủ. Âm-dương hai lối khôn lường, tâm-tự nghìn lời dễ tỏ.*

Từ thủa loan hoàng gióng cánh, cồ chung êm một dịp xướng - tùy, tới khi xà hủy lần tin, lộng-ngõa trải năm phen cần phủ Đăm chiêu mấy thuở nhủ nên khôn ; âu-yếm phận nào công với của. Giấc mai đào chấp chới, duyên kim toàn vẹn cả mấy bề ; nơi phần tử vun giồng, đường gia-thất lại gây nên ba độ Chửa phong lưu nhưng giả cũng thanh nhàn, chửa phú-quí cũng vào nhòng khang-phụ.

Cầy mây cuốc gió, phê-pha ngày thang lam nghề, đất bụt chim giời, đủng-đỉnh ít nhiều vui thú. Lợi danh chi lắm lòng trần ; khang - thái dần lên cõi thọ: Bảy tuần thêm có lẻ mong nhần-nha tới độ bách niên ; tháng chín ngày mười hai bỗng chốc nên cơ vạn cổ.

Thôi thôi, Diệu-lĩnh mây mờ, Nguyệt-giang sóng vỗ. Âm dung văng-vẳng hẳn còn đâu ; sự tích rành rành in lại đó. Rắp cầu xa tìm bóng, ngược suối những khách vãng-lai, mong chợ núi gọi tin, trưa sớm những người tán tụ. Đi đâu mà nhân cảnh xa-xa ; sao nỡ để gia-tình vò-võ ?

Cực lòng nhân-tử biết nhường bao, ngán nỗi hóa-sinh sao nỡ phụ ? Hay nghĩ đến nữ - nhi chưa thỏa, ở hồng trần càng thẹn nước non này ; hay ước cùng tăng tế chẳng quên, về hoàng - nhưỡng lại vầy sơn hải cũ. Giở đường kim tích bao cùng, kể chuyện tâm đàn càng khổ.

Xót nhẽ kẻ bèo mây phận thế, chữ tại-gia khi ấy luống bâng - khuâng ; thương thay người hương hỏa cớ sao, câu thừa-tự lúc này thêm tủi hổ ! Lũ biểu tôn sa nước mắt bi-ai ; đoàn chúng-tử quặn khúc lòng oán-mộ !

Rày nhân tiết đã sang đông, ngày vừa nên mộ. Ơn đủ bốn, ngoại cũng như nội, dãi niềm đơn cho tỏ đạo đông sàng ; rể rày ba, nữ đã như nam, bầy lễ bạc ngõ đền công nhạc-phụ. Rượu giót ba tuần chỉ-tửu, giả đền công cho hả với dân-phong ; vò dâng hai chữ duy-hình, xin chứng-giám kẻo hổ cùng thế-cố.

Than ôi ! thương thay ! cổ thiêng xin hưởng.

(Trích ở quyển *Lệ-ngữ văn-tập*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 166, tờ 27a-28a.)

CXXXII

Vịnh thi - kiệu (hai bài)

Mỗi chiều là mỗi có dung quang,
Chế-độ xem đà nhạt mực thường.
Quanh-quất vườn văn đua phượng vũ,
Dập dìu cửa Thuấn gióng loan hàng.
Kiền-thiên lồng lộng đồ ngân ngất,
Thụy-khí hây hây sắc rõ ràng.
Thảy thảy thỏa chung cơ tự-đắc,
Ắt đây đã đáng chữ xuân trường.

(Trích ở quyển *Ngự-đề Thiện-hòa-doanh bách-vịnh*, của Trịnh-Căn sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 544, tờ 31a)

Từ mùa cẩm-sắc vốn thanh quang,
Ngẫm nghĩa âu nên cảnh khác thường,
Song sóng nền nhân cao mấy đợt,
Rờn-rờn cây đức lối nghìn hàng.
Người ơn ấm tỷ, người vui vẻ,
Vật đượm tư-thành, vật rỡ ràng
Gác ngọc nhiều phen vày khánh thượng,
Gẫm nơi mới hội vĩnh du-trường.

(Theo vần trên, trích ở quyển *Ngự-đề Thiên-hòa doanh bách vịnh*, tờ 32a)

CXXXIII

Cột cờ ở Lĩnh-sơn

Sàng-sơn một ngọn đồi cao,
Hình cờ chót vót cheo-leo dưới giời.
Đêm đêm giáng sáng tới nơi,
Sớm ngày bóng nắng mặt giời như in.
Mắt trông các núi gần miền,
Trên thành thu lại muôn nghìn dặm xa.
Ủy nhan gang tấc nguy nga,
Quanh đi mấy độ tưởng là giời xuân.

(Trích ở quyển *Phong-cảnh biệt-chí*, sách viết bằng chữ nho và chữ nôm của trường Bác-cổ số A B 377 tờ 16 a-b).

CXXXIV

Chiến hạm bên sông

Đầu sông chiến-hạm thung-dung,
Mặt giời xoi lại gần trong cao-đài,
Khéo cầm bánh lái có ai ?
Sang sông phải đợi người tài chèo bơi.
Nước trong giời sáng thảnh-thơi,
Đêm khuya bóng nguyệt mở chơi mui bồng.

xem tiếp trang 20

Phê bình văn học

Tiếp theo trang 8

nam Thiên-ứng chính bình thứ 10, khi Trần-quang-Khải, người em « liền dốt » của Thánh-tôn ra đời, sử gọi là hoàng-tử thứ ba (Hoàng đệ-tam tử).

Một người ở trên hoàng-tử thứ ba, thường gọi «chàng Hai», lại có người anh cùng cha khác mẹ, thế mà không phải là « thứ » thì còn là « cả » với ai ?

Vậy là về việc chép các lược-sử tác-giả, chẳng những tôi không « sai lầm » mà còn chẳng sai chút nào.

NGÔ TẤT-TỐ

Ấy thế mà vẫn sai lầm, vì ông Ngô tất-Tố không đọc sử cho thật hết. Lấy ngay câu chuyện trên kia cung đủ rõ. Ông Ngô tất-Tố dẫn sách Đại-Việt sử-ký, bản kỷ, để chứng rằng Trần Thánh-tôn là con thứ Trần-Thái-tôn, chứ không phải là con trưởng. Nhưng chính sách Đại-Việt sử-ký bản kỷ lại chép ở quyển thứ năm, tờ 37a, như sau này : Trần-Thanh-tôn, tên hay là Hoảng, là con trưởng Thái-tôn ; « Thái-tôn trưởng tử ». Rõ rằng như thế, mà ông Ngô tất-Tố cứ cãi tay được ! Thì ra duyên-do như thế này : Hoàng thái-tử Trịnh mất năm 1233 ; Sách Đại-Việt sử-ký bản kỷ, quyển 5, tờ 11b, « xét phép chép sử, nói hoàng thái-tử sinh, phải chép đủ ngày tháng, mất cũng thế ; đây chỉ chép mất, không chép ngày tháng, hoặc mới sinh ra mà chết non, cho nên chép lược như thế ». Đã chết non thì đứa con thứ hai là con trưởng, chứ không phải là con thứ. Thường dân ta cũng vậy : tuy đứa con đầu là con giai, những chết non, không có con cái gì, thì đứa thứ hai cũng là con trưởng. Thế sao Đại-Việt sử-ký bản kỷ lại chép Trần-Quang-Khải là « hoàng đệ tam tử » ? Đây là sử-thần có ý đếm cả các con vua Thái-tôn, từ hoàng-tử Trịnh chết non, cho đến các con đẻ sau, như Trần-Quang-Khải : đẻ thứ ba thì gọi là « hoàng đệ - tam tử », không có gì là lạ cả, nhưng phải hiểu chuyện mới được. Quốc - Khang là anh Thánh-tôn, nhưng cùng cha khác mẹ, vậy gọi Thánh-tôn là « nhị-lang » thì cũng đúng lắm ; tuy là anh nhưng không phải là con Thái - tôn nên sử phải chép Thánh - tôn là con đích-trưởng Thái-tôn. Vả lại quyển sử nào cũng chép là « Thái-tôn trưởng tử » : vậy không phải bàn nữa.

NGUYỄN VĂN-TỐ

Đoạn tư, ông Tố bảo tôi dịch chữ nho sai.

Trong bài bịch của Trần - quốc-Tuấn có câu « *hoặc bạo khí thi thư, vi dư giao hối, thì tức thế chi cừu-thù giã* », tôi dịch ra rằng « *nếu mà bỏ bê sách ấy, trái lời dạy bảo của ta, ấy là mối cừu thù kiếp xưa.* Ông Tố chữa lại như vậy ; « *Hoặc bạo ngược (!) bỏ sách này, trái nhời ta dạy bảo, ấy là cừu thù đời đời* ».

Trọng ông thì trọng những câu ông chữa, nhất định tôi không giám lĩnh giáo.

Bởi vì theo tự-điển Tàu, chữ « túc » có nghĩa là « cũ », « túc thế » tức là «đời cũ» «đời trước, hay là kiếp xưa », chỉ về cái kiếp quá khứ không có nghĩa về tương lai. Nếu dịch ra là « đời đời », thì nó hóa ra hai chữ « thế tế », không phải là « tục-thế » nữa. Người Tàu họ cười cho chết.

Còn chữ « bạo khí » nghĩa là « bỏ cách vạ vật, khinh-dể », không tiếc gì nữa. Nếu dịch là «bạo-ngược bỏ» thì e rằng không hợp lỗ tai của người An-nam và rồi có kẻ bắt chước kiểu đó, đặt thêm tiếng « hiền lành bỏ » ấy là làm loạn trật-tự của tiếng mẹ đẻ. Nhà tôi được bao phúc - đức, mà tôi dám theo ông Tố chơi lối dịch ấy.

NGÔ TẤT-TỐ

Ông Ngô tất-Tố ngắt nhầm : câu dịch trên kia phải ngắt như thế này : « Hoặc bạo ngược, — bỏ sách này » chứ « bạo ngược bỏ » thì còn có nghĩa lý gì ! Chẳng qua ông Ngô tất Tố muốn cãi lấp đãy thôi, vì ông không dẫn nổi chữ «túc thế oan-gia», mà câu dịch của ông không được thoát nghĩa. Vậy xin nhắc lại rằng phải dịch như sau này : « Hoặc bạo ngược, bỏ sách này, trái nhời ta dạy, ấy là cừu thù đời đời», hay như thế này cũng được : « hoặc tự bạo tự-khí, không chịu chuyên tập sách này, trái nhời dạy bảo của ta, ấy là cừu thù đời đời» Chữ bạo-khí đã thành danh-từ : chữ bạo cũng như nghĩa chữ hại chữ khí cũng như nghĩa chữ tuyệt, « bạo do hại giã, khí do tuyệt giã » ; chữ Từ-nguyên, nhưng chữ bạo-khí chính là chữ Mạnh-tử tôi sẽ dẫn dưới kia làm câu kết. Ông Ngô tất-Tố dịch là : « Nếu mà bỏ bê sách ấy» thì thiếu chữ «khinh dể» nay ông mới cắt thêm ; ông dịch « ấy là mối cừu thù kiếp xưa » thì trôi sao được?

NGUYỄN VĂN-TỐ

Hãy đọc

TRONG 99 CHÓP NÚI

(Đinh nhật Thận với Thu dạ lữ hoài ngâm)

Một công trình khảo-cứu rất giá-trị của ông ĐẦU - TIẾP Nguyễn văn-Đề Tựa của ông PHÓ XUYÊN Hà-xuân-Tế.

Giá : 1p.00

NHÀ XUẤT BẢN TÂN - VIỆT — 49 — rue Takou — Hanoi

Nhà in

TRI-TÂN

Nhận in đủ các việc

70, Bach-mai – Hanoi zône

Ở bài dịch ấy lại có câu rằng « *Sử-bình lỗ chí hậu, vạn thế di tu* » tôi dịch ra làm « *sau khi giẹp yên quân giặc, các người sẽ phải để thẹn muôn đời* ». Ông Tố bảo chữ « bình-lỗ » dịch làm « giẹp yên quân giặc » là nhầm hẳn, chính nó là « Thành Bình lỗ » rồi ông lấy bốn chữ « Bình lỗ thành danh » ở sách « Trần đại vương bình Nguyên thực lục », bản sao của trường Bác-cổ để làm cột tựa cho cái ý đó.

Cái « cột tựa » ấy của ông Tố không phải là tôi không biết. Khi trước vì muốn tìm kiếm tài-liệu để viết cuốn sách gọi là Trận-giặc Mông-cổ », tôi đã có đọc sách ấy của trường Bác-cổ. Hơn nữa, khi soạn tiểu-sử của các tác giả đời Trần, tôi phải luôn luôn có đủ các sử trước mắt, nhất là cuốn « Việt-nam sử lược » của ông Trần Trọng-Kim, há lại không thấy dưới chữ « Bình lỗ » của sách này, Trần tiên-sinh đã dẫn « Việt sử khâm định » mà chua là « thành Bình-lỗ » (2) ?

Nhưng theo sự cân nhắc của tôi, thì với mạch văn chỗ đó, mà nhận « bình lỗ » làm thành Bình-lỗ, thật là không xuôi. Bởi thế tôi mới dịch là « giẹp yên quân giặc ».

NHỮNG SÁCH NÊN XEM

Truyện đức Khổng tử	1.00
Mấy thầy tu huyền bí	1.10
Na-Tiên Tỉ-kheo kinh Cuộc vấn đáp về đạo-lý	0.80
Pháp-giáo nhà Phật	1.10
Tăng-đồ nhà Phật trọn bộ 2 quyển, có nhiều tích hay	2.50
Chuyện Phật đời xưa	1.00
Du lịch xứ Phật	0.90

Ở xa, gửi mandat phụ thêm 10 %. làm cước phí. — Cũng gởi lĩnh hóa giao ngân. Các hàng sách mua buôn có hoa hồng 25 %. và khỏi cước

Thơ để:

M. ĐOÀN TRUNG-CÔN

143 - Rue de Louvain, Saigon

Đấy, đoạn văn ấy như sau :

« ... Bất dĩ trừ hung vi tâm, nhi hựu bất giáo sĩ tốt, thì đảo qua nghênh hàng, không quyền thụ dịch, sử « bình lỗ » chi hậu, vạn thế di tu, hựu hà diện mục lập ư thiên địa phú tái chi gian gia » ?

Dịch cho sát nghĩa, và không văn chương thì là :

« ... Không nghĩ đến sự trừ kẻ hung bạo, mà lại không dạy quân lính, ấy là quay đảo hàng giặc, dơ nắm tay không chịu giặc, khiến sau « ... bình lỗ »..., muôn đời để thẹn, còn mặt mũi nào đứng ở giữa khoảng trời đất che chở ».

Hỡi các độc-giả thông minh và công bằng, các ngài hãy thử nghĩ xem trong đoạn văn ấy, hai chữ « bình lỗ », là « thành Bình-lỗ » phải hơn, hay là « giẹp yên quân giặc » phải hơn ?

NGÔ TẤT-TỐ

Độc-giả thông-minh sẽ giả nhời rằng : sách đã chua rõ như thế thì phải theo ! Chứ ông « cân nhắc » thì lấy gì làm chắc ? Vả lại sách Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục, *quyển 8, tờ 31 b chép nhời đức Trần Hưng-Đạo như sau này, « Về đời Đinh, Lê, chọn được người hiền-lương, đất Nam cõi mới, phương Bắc nhọc mệt, trên dưới cùng lòng, lòng dân không chán, đắp thành Bình-lỗ mà phá quân Tống... », nguyên văn là : « Trúc Bình-lỗ thành nhi phá Tống-quân ». Sách* Trần-triều hiền-thánh chính, kinh tập-biên, *tờ 103 b, cũng chép như thế. Vậy phải dịch « Bình-lỗ » là tên thành.*

NGUYỄN VĂN-TỐ

Cũng ở đoạn này, ông Tố còn bảo tôi chép nguyên văn chữ Hán cũng sai, như câu « Công-Kiên chi ư tỳ tướng » chép trong « Trần-gia điền tích thống biên », (sách viết của trường Bác-cổ) tôi đã «cho in » làm Công-Kiên chi vi thiện tỳ ».

Nhưng không sai. Tôi chép như vậy là theo « Đại-Việt sử-ký bản kỷ » và « Hoàng-Việt văn tuyển ». Ông nên giở lại « Đại-Việt sử-ký bản kỷ » bản in của đời Lê, quyển sáu, tờ mười hai, trang trên, và « Hoàng-việt văn tuyển » bản in của Hy-văn-đường, quyển bảy, tờ thứ hai, trang trên, mà xem, ở những chỗ ấy đều chép « Công-Kiên chi vi thiện tỳ » tất cả.

Tôi chưa đọc cuốn « Trần-gia điền tích thống biên » của trường Bác-cổ, nhưng dù có đọc, tôi cũng chép là « Công-Kiên chi vi thiện tỳ ». Bởi vì làm kẻ khảo-cứu, phải tin hai bản sách in hơn là một bản sách viết.

. . . . . .

NGÔ TẤT-TỐ

Ông Ngô tất-Tố nhầm. Có cả sách in chép là : « Công-Kiên chi ư tỳ-tướng, Ngột-Lang chi ư phó-nhi ». Sách in ấy là sách Trần-triều hiền-thánh chính-kinh tập-biên, *của Trường Bác-cổ số A 2382, tờ 93 b. Những nhà có điện thờ đức thánh Trần, phần nhiều có quyển sách ấy. Thế là ngoài sách của ông Trần-trọng-Kim, lại còn có hai quyển chép « chi ư », chứ không chép « chi vi ». Dù có một quyển chăng nữa, cũng phải xét nghĩa rồi hẵng dịch. Nay thử xét xem ra thế nào.*

Bài hịch của đức Trần Hưng-Đạo hiểu-dụ tỳ tướng có đoạn nói rằng : « Vương-Công-Kiên là người thế nào ? Tỳ-tướng của Vương-Công-Kiên là Nguyễn-văn-Lập, lại là người thế nào ?.., Các ngươi ở mónhạ ta đã lâu, coi giữ binh-quyền không có áo thì cho áo mặc, không có ăn thì cho cơm ăn... Coi Công-Kiên đối với tỳ-tướng, Ngột-Lang đối với phó-nhị, cũng chưa kém gì ? »

Chữ Hán chỉ sai có một chữ « ư » viết nhầm ra chữ « vi », mà nghĩa thì sai xa lắm : « chi ư » nghĩa là đối với ; nếu nhầm là « chi vi » thì ra hai người ấy làm tỳ-tướng và phó-nhị ! Như thế đối với đoạn trên thật là trái ngược, vì trên đã nói Công-Kiên có tỳ-tướng là Nguyễn-văn-Lập, mà dưới lại nói Công Kiên làm tỳ-tướng thì nghe sao được ? Vả lại liền với câu « cũng chưa kém

gì : » lại càng trái hẳn nghĩa, vì đức Trần Hưng-Đạo có làm tỳ-tướng bao giờ mà lại vì không kém người ấy làm tỳ-tướng ?

Nói tóm lại, từ cách đề tên sách cho đến cách dịch sách, ông Ngô tất-Tố nhầm rất nhiều và rất là rõ-rệt. Việc nhà phê - bình là phải chữa những chỗ nhầm ấy. Nhưng xét ra ông Ngô tất-Tố không phải là người biết phục-thiện. Cho nên khi bàn đến nghĩa chữ « tự-khí » trong bài hịch của đức Trần Hưng-Đạo, tôi sực nhớ đến một câu trong sách Mạnh-tử, *bây giờ tôi chép ra đây làm câu kết luận : « Tự bạo giả, bất khả dữ hữu ngôn giã ; tự khí giả, bất khả dữ hầu vi giã », nghĩa là không thể cùng nói chuyện với người tự-bạo, tức là người tự mình hư mình ; không thể cùng làm việc với người tự-khí, tức là người tự mình bỏ mình.*

NGUYỄN VĂN-TỐ

1) Chép theo Nam-phong, *số 45 tháng mars 1921 trang 251. Nguyên-văn chữ Pháp như sau này, đăng trong tập kỷ-yếu hội Tri tri, năm 1920 :*

« La critique n'est pas aimée chez nous La plupart de nos compatriotes n'en comprennent pas bien le rôle et sont portés à confondre la critique artistique et littéraire avec la critique scientifique. Pour beaucoup, le critique est ou un envieux ou un esprit chagrin, ou tout au moins un juge partial, voué par son tempérament et par ses prédilections au dénigrement systématique de ce qu'il ne peut goûter. Ce qu'il peut y avoir de vrai dans cette opinion appliquée à la critique esthétique ne saurait convenir à la critique scientifique La science est déjà et tend de plus en plus à être envisagée comme le résultat d'efforts collectifs. Le temps n'est plus où l'on mettait sa gloire à formuler isolément de grandes théories originales que l'on s'inqui était peu au fond de mettre d'accord avec la réalité, pourvu qu'elles fussent brillantes et éloquemment exposées. Mieux avisés, des auteurs français veulent que la philosophie se dégage en quelque sorte d elle-même de l'ensemble des faits, soigneusement recueillis et étudiés sous toutes leurs faces Or, pour mener à bien un pareil labeur, ce n'est pas trop d'une armée de travailleurs se surveillant réciproquement et se signalant les uns aux autres les erreurs commises et les vérités obtenues. Chacun devient ainsi tour à tour auteur et critique, et la critique nous apparait elle-même une collaboration incessante à la grande œuvre du progrès scientifique ».

NGUYỄN-VĂN-TỐ

2) Sử cũ không nói thành Bình ở đâu, xây từ đời nào. Việt sử khâm-định chép đời nhà Lý có đào con sông Bình-lỗ để lên Thái-nguyên cho tiện, vậy thành Bình-lỗ có lẽ về vùng Thái-nguyên. Việt-nam sử lược tuy dịch là « trận Bình-Lỗ », nhưng không chua rõ trận nào, xét trong lịch sử ngoại sâm của ta từ đời nhà Trần về trước, không có lần nào đánh nhau ở vùng Thái-nguyên, không hiểu vì sao sách này lại gọi là « trận Bình-lỗ ».

NGÔ-TẤT-TỐ

Vì « ngày trước ông Lý thường-Kiệt phá quân nhà Tống ở đấy ». Ông Ngô tất-Tố không hiểu là tại ông không đọc hết : câu trên kia chép trong Việt-nam sử lược *của ông Trần trọng-Kim, tập thứ nhất, trang 116 in lần thứ nhất, năm 1920 Bộ* Khâm-định Việt-sử, *quyển tám, tờ 36 b, dẫn quyển* Dư-địa-chí *của ông Nguyễn-Trãi như sau này : « Triều Lý đào sông Bình lỗ để tiện đường đi lại trong lộ Thái-nguyên ».*

NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tài liệu để đính chính. . .

tiếp theo trang 17

Giương buồm nhân gió thẳng giong,
Giữa dòng chẳng sợ quanh vòng ngược xuôi.

Trích ở quyển *Phong-cảnh biệt-chi*, tờ 16b-17a.

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ
biên-tập

1 Những bài văn đăng kỳ này chưa thấy ai in ra quốc-ngữ. Bài văn-tế đề là *Tế - tử tế nhạc-phụ văn*, xem có nhiều điển nho, nhưng không thoát ra nôm, nghe như soạn vào cuối đời Lê. Bài Lĩnh-sơn và bài Chiến-hạm dịch ở văn chữ Hán như sau này : *Tuyên-quang thành bát cảnh :*

Lĩnh-sơn kỳ đài

Sùng-sơn nhất thốc xưởng thiều-nghiêu,
Kiết kiết can mao hạ cửu tiêu.
Tễ-nguyệt bình lâm hoàn dạ dạ,
Tinh-huy cao quải cánh chiêu chiêu.
Nhỡn trung dĩ giác quần phong tận,
Thành thượng như thu vạn lý diêu.
Thử địa lẫm nhiên uy chỉ-xích,
Xu thương kỷ độ tưởng quân-thiều.
Thành ngoại giang-đầu chiến-hạm lui.

Giang-đầu chiến-hạm

Ô-tường nhật nhật bạng cao đài.
Nhược thần thùy thiện thao-chư đả.
Tố hiềm phương nhu tác-tiếp tài.
Thủy-tĩnh thiên-quang tùy trạo phát,
Dạ thâm nguyệt-ảnh ỷ bồng khai.
Trương phàm dĩ đinh thừa phong viễn,
Bất đạn trung lưu tố nhất hồi,

Bản sách-dẫn về « Đại-Nam liệt-truyện »

Số 6 Thọ-xuân Lê văn-Phúc

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ - QUÁN	TẬP (1)	QUYỂN	TRANG	NÓC HỜ
DIÊU 繞 Huỳnh	tự Quang-viễn hiệu Tịnh-trai	Quảng-nam Diên-phước	N	38	1b	sơ danh Kim-Tích
DIỆU » Nguyễn-quang		Thừa-thiên, Đàng-xương	S	19	15a	
DINH 藨 Lê-đăng		Quảng-trị, Thuận xương	N	16	3b	cũng đọc « Doanh »
DINH » Phan-đăng		Nghệ-an, Đông thành	S	29	8a	
DINH 營 Võ-nguơn		Nghệ-an, Quỳnh lưu	N	33	21b	cũng đọc « Doanh »
DỈNH 郵 Cao-trọng	tự Hi-Liễu	Nghệ-an, Đong thành	N	36	26b	«tổng mục» và «mục lục» chép là Sinh
DỈNH 顯 Nguyễn		Hải-dương, Bình giang	N	40	22a	
ÍNH » Trần-tú		Hưng-yên, Kim động	N	29	8a	
DỈNH » Trương-phước		Gia-định, Bình dương	S	14	13a	nay là vùng Saigon
DOÃN 尹 Nguyễn		Quảng-trị, Hải lăng	N	40	15a	
DOÃN 允 Nguyễn-hữu		Không biết	T	4	21b	lãnh chức Điều-khiển tại Gia-định
DOÃN 脫 Nguyễn-tăng	tự Tử-Cao	Quảng-trị, Hải lăng	N	36	24b	
DU 猷 Lý-g a	thứt tác Bình-Đạo	Hà-nội, Kim-bảng	S	20	11a	
DU 榆 Mạc-công		Hà-tiên	T	6	12a	
DU 攸 Nguyễn		Hà-tịnh, Nghi xuân	S	20	8a	
DU 瑜 Phan		Hà-tịnh, La sơn	N	32	15b	
DU 遊 Trần-văn		Quảng-bình	N	40	8b	
DỤ 誘 Bạch-văn		Thừa-thiên, Phú vang	N	40	10b	
DỤ 裕 Lê		Hà-tịnh, La sơn	N	33	14a	
DỤ » Nguyễn		Hải-dương, Vĩnh lại	N	42	1b	
DỤ » Tôn-thất		Huế	S	4	7a	
DUẬN 匀 Lê-văn		Định-tường, Kiến hòa	N	27	1a	nay Chợ gạo Mỹ tho
DUẬN 筠 Nguyễn-hữu	tự Trúc-Hiên	Quảng-nam, Duy xuyên	N	41	17b	cũng đọc « Quân »
DỤC 昱 Nguyễn	tự Tử-Minh	Quảng-nam, Hà đông	N	33	7a	
DỤC » Nguyễn-khoa		Thừa-thiên, Hương trà	N	40	26a	
DUỆ 睿 Nguyễn-văn		Biên-hòa	S	15	16a	
DUY 惟 Nguyễn-văn	tự Nhữ-Hiền	Thừa-thiên	N	24	18b	em Nguyễn tri-Phương
DUY » Thân-văn		Thừa-thiên, Phong-điền	N	28	3b	
DUY 維 Võ-văn		Quảng-nam, Lễ dương	T	4	27b	
DUYÊN 緣 Võ-đình		Bình-định, Phù cát	S	25	3a	
DUYỆT 悅 Lê-văn		Định-tường	S	22tt		
DUYỆT 閱 Nguyễn-thừa		Quảng-trị, Hải lăng	N	41	19b	
DỤNG 用 Trương-quốc	sơ danh Khánh, tự Dĩ-Hành	Hà-tịnh, Thạch hà				

(1) T. : Tiền - biên, S. : Sơ-tập, N. : Nhị-tập

TIỂU THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 11 của **CHU-THIÊN**

CHÀNG cau mày tự hỏi vậy, rồi sực nhớ ra còn thiếu tờ bẩm của hạt Đông-ngàn (1), chàng vội lật lại chồng giấy trên án, không thấy, chàng gọi gắt :

— Tên lính đi Đông-ngàn về chưa ?

Một viên đô-lại đứng dậy, lại gần, ễ phép thưa.

— Dạ ! Bẩm thượng-quan, anh ấy chưa về ạ.

Chàng gắt :

— Lạ quá !

Vừa lúc ấy, tên sai binh đã vào lậy chào và đệ lên một phong giấy. Trần Long tay xé phong giấy lấy tờ bẩm, nhưng mắt trừng trừng nhìn tên lính và mắng hỏi :

— Sao mi về chậm ? !

Tên lính run sợ thưa :

— Bẩm thượng-quan, quan Phân-phủ đi vắng, nên tiểu-tốt phải đợi.

Trần Long không nói gì, nhìn đọc lướt qua tờ bẩm, thấy lạ, chàng đọc kỹ lại rành-mạch rằng :

« *Đông-ngàn Phân-phủ quan Nguyễn-Bài, lậy bẩm :*

« *Nay thừa sức hỏi về việc quan Tham-quan Trần tướng-quân đi, đến thế nào mọi lẽ, xin cứ thực lạy bẩm ; Ngày hôm kia, đúng giờ ngọ, Trần tướng quân tới ban nha, xét hỏi mọi điều quan thiết, rồi hồi cuối giờ mùi, tướng-quân lui gót, không có điều-tiếng gì với bản-nha cả.*

« *Nhân việc Trần Tham-quan, tiểu-chức xin bẩm lên thượng đình một nghi-án : Cứ đơn trình của dân miền rừng Sặt vừa đệ lên bản-nha hồi đầu giờ ngọ hôm nay, có một võ quan và một con ngựa bị giết tại giữa khu rừng ấy. Xem quần áo diện mạo và ngựa kể trong đơn, tiểu-chức ngờ là Trần Tham-quan. Tiểu-chức chưa kịp đi khám nghiệm, không rõ đích xác, nên tạm chua thêm vào tờ bẩm này để lên quan Đề-đốc bản-trấn. Cúi mong thượng-quan minh xét.*

« *Nay lậy bẩm,*

« *Hoàng-hiệu . . . . .* »

Đặt tờ bẩm xuống, Trần-Long ngồi lặng một lúc, ngẫm-nghĩ, rồi buột miệng kêu :

— Tội-nghiệp ! Mình đã biết mà !

Chàng đứng lên, giục quân lính đóng ngựa. Lui vào mà dặn Liên-Tường và chào Phan phu-nhân ; trở ra giao công-việc trong dinh cho viên Phó Tham-quan quản nhận, rồi chàng vội vàng lên ngựa cùng với một toán lính đi liền, mặc dầu lúc ấy, giời đã tối. Bọn lính theo hầu, không hiểu cớ gì, đều hoảng-hốt sợ hãi, lặng-lẽ ghì cương phóng theo chủ-tướng. Không ai nói một tiếng. Trần-Long còn mải đắm-đuối vào suy-nghĩ, tính-toán, đoán-lượng ; lính hầu ai nấy nín lặng để nghe xem lệnh trên truyền bảo. Họ biết rằng, giữa lúc này ra đi, không phải việc thường. Cái đoàn người ngựa ấy cứ thẳng đường tiến về miền phủ Đông-ngàn. Chừng cuối giờ tuất thì đến cổng phủ. Trên chòi canh nổi giật lên sáu tiếng trống báo cộc-lỗng tan trong bầu không-khí âm-thầm lặng-lẽ của nơi phố phủ vắng teo ! Quan Phân-phủ vội-vang mặc áo tấc tím dẫn lính ra mở cổng thành lậy chào :

— Tiểu-chức bái chúc đại-quan giá lâm !

Trần-Long nghiêm-nghị đi vào và vừa chào vừa hỏi ngay :

— Xin chào Phủ-quan. Bản-chức đến hỏi về việc nghi-án rừng Sặt. Phủ-quan đã đến nơi khám xét chưa ?

— Dạ, bẩm đại-quan, tiểu-chức đi khám ngay hồi chiều.

— Thấy thế nào ?

— Bẩm đại-quan, tiểu-chức đến nơi, thấy một người, một ngựa nằm chết ở ngay giữa khu rừng rậm, cả người và ngựa đều bị tên độc bắn siên qua cổ. Xét ra đúng là Trần Tham-quan. Tiểu-chức chưa dám cho mai táng, còn đợi bẩm lên đại-quan phán bảo.

Trần-Long vừa nghe vừa đi vào đến công-đường, liền đứng quay lại hỏi :

— Bản-chức muốn đi khám ngay bây giờ.

— Dạ ! Xin để tiểu-chức cho đi sửa đuốc.

— Được ! Phủ-quan cho sắp mau lên.

Quan Phân-phủ liền truyền lệnh xuống cho đội-cơ. Trong khi đợi, Trần-Long hỏi quan Phủ :

— Phủ-quan có thấy gì khả-nghi không ?

— Dạ ! Bẩm đại-quan, đấy chính là một vụ ám-sát. Thủ phạm hiện trốn, nhưng có lưu tự-tích lại.

— Đâu ?

— Dạ ! Bẩm đại quan, tự-tích bằng nét mũi dao vạch trên đất bên cạnh tử-thi !

— Những chữ gì ?

Đuốc đã đem lên, quan Phủ không kịp nói nữa, liền hai tay nâng tờ bẩm lên đưa cho Trần-Long.

— Bẩm đại quan đây !

Đuốc tẩm nhựa thông cháy bốc lên ngùn ngụt sáng tỏ cả một cái sân và cổng phủ. Lính đã sắp hàng giữ ngựa. Quan Phủ lặng-lẽ đứng đợi lệnh quan Đề-đốc. Ngài đọc lướt qua tờ bẩm rồi ngẩng mặt lên truyền :

— Thôi được ! Ta đi !

Hai quan xuống thềm lên ngựa. Một tên lính cầm đuốc đi đầu, kế đến đội cơ. Liền ngay đấy là ngựa quan Đề-đốc, rồi đến quan Phân-phủ. Đằng sau là các lính theo hầu quan đề-đốc. Những lính cơ ở phủ

cầm đuốc trữ đi tập hậu.

Đoàn người ngựa ấy hùng - dũng kéo đi trên con đường đất khúc-khuỷu, qua những ruộng những làng, trong đêm khuya vắng vẻ Chó các làng xủa ran lên khi đoàn quan quân đi qua. Những tuần tráng kinh cẩn cầm đòng, cầm dáo, cầm gậy cúi đầu chào. Quan quân cứ phăng phăng lặng lẽ tiến rất mau Giữa giờ hợi mới đến giáp rừng Sặt, đoàn quan quân đi thong thả lại ven rừng, luồn dưới những cây rậm rạp. Những dơi, những chim thấy ánh lửa và tiếng động bay vù vù tán loạn, đập vào lá rào rào. Qua mấy lớp cây, vào đến giữa rừng Kia bên một bụi cây, chập-chờn hiện ra trước ánh lửa một con ngựa bạch năm nghiêng ghệch đầu lên bụi cây!

Trần-Long đi vượt lên hỏi :

— Đây ?

Quan Phân-phủ cũng vượt theo và đáp :

— Bẩm đại quan vâng ! Đến nơi rồi !

Ngảnh lại, quan Phủ truyền :

— Đốt thêm vài ngọn đuốc nữa.

Thì vừa đến chỗ bụi cây. Mọi người đều xuống ngựa. Những con ngựa trông thấy ban đồng loại nằm chết thảm hại ở đấy, đều hí ran lên và chồm nhảy như điên - cuồng. Bọn lính phải ra roi ngăn cản chúng trở lại thứ-tự Còn hai quan không để ý gì đến ngựa cả. Quan Phủ dẫn thẳng Trần-Long đến chỗ tử-thi. Trên một khoảng đất khô, bên một gốc cây to, xác Tham quan Trần-Ngũ nằm ngay ngắn, mặt ngửa đầu gối lên một cái dễ cây, hai chân ruỗi thẳng, hai tay buông soai soải lên trên mặt đất. Tuy chết đã ba hôm, mùi thối đã xông lên rức mũi nhưng vẻ nằm vẫn còn gọn - gàng nghiêm chỉnh đủ tỏ rằng kẻ sát-nhân sau khi hạ thủ, đã đặt tử - thi vào đấy, để cho phi tang đi, hay là để thách thức quan chức cũng nên. Trần-Long nhìn qua tử thi, cau mày hỏi ngay :

— Phủ-quan cho khiêng tử - thi lại đây ?

— Bẩm đại quan, không ạ ! Vẫn nguyên như thế ; tiểu chức chưa dám chuyển động gì cả.

— Được ! Thế giờ ta cho lật tử-thi lại xem nào ?

— Bẩm đại quan đọc hàng chữ bên cạnh hông này đã.

Quan Phủ vừa trỏ vừa ngẩng lên truyền :

— Soi gần đuốc vào !

Trần - Long liền cúi xuống đọc hàng chữ vạch sâu xuống đất :

— « *Ngã mãi Phan công - tử, đồ ngộ y-nhân hiếp lỗ phụ-nữ, bất bình cố sát chi !* » (Nghĩa là ta đây là Phan công-tử, qua đường gặp người này hiếp tróc đàn bà con gái, ta bất bình nên giết đi).

Trần-Long hết sức ngạc nhiên, tự nghĩ :

— Sao lại có sự kỳ-lạ thế ?

Rồi chàng nói to :

— Kỳ lạ thật !

Quan Phủ cũng tiếp theo :

— Bẩm vâng, kỳ lạ thật !

— Quân này to gan muốn thách-thức ta đấy.

— Bẩm đại - quan, một là thế ! Hai là kẻ sát nhân cố ý làm cho khó tìm ra manh-mối.

— Cũng có lẽ.

Nói vậy, nhưng Trần-Long lại cúi xuống xem xét : Không có một vết thương nào, ngoài cái tên độc siên qua cổ người chết. Chàng ngậm ngùi giây lâu, rồi thốt lên nhời thương - xót :

— Cũng một kiếp người !

Rồi chàng truyền cho một bọn lính ở lại canh tử-thi và sai mấy tên đem chôn con ngựa trước. Còn Trần-Ngũ phải đợi hôm sau có quan ván và trình lên quan Tổng-chấn rồi mới được mai-táng. Đoạn chàng và quan Phủ lên ngựa ra về với một ít lính hầu. Hai người vừa đi vừa bàn về vụ án mạng, suy rộng ra mọi nguyên-nhân để tìm tung-tích hung-thủ. Quan Phủ hỏi Trần-Long :

— Bẩm đại-quan, đại quan cho Trần Tham-quan bị hại vì tư-thù hay là vì công-phẫn ?

— Có lẽ vì cả hai cớ. Bản-chức đã biết tính-nết Tham-quan vốn bạo-ngược, hay gây oán với nhiều người, nên bản-chức vẫn thường khuyên lão ta phải cẩn thận giữ mình.

— Bẩm đại-quan, cứ như thiền ý, thì tất có kẻ tư-thù đón đường giết Trần Tham-quan rồi bịa ra chuyện chòng ghẹo phụ-nữ, để che lấp tội của nó.

— Chưa chắc đã đúng thế. Cũng có thể là tự Tham-quan ghẹo gái mà ra. Nhưng điều ta có thể lượng đoán được là cái hiệu *Phan công-tử* kia tất không đúng. Vì một kẻ hiệp-sĩ, giữa đường gặp việc bất bình đã thi-hành thủ đoạn, mà không muốn cho kẻ khác chịu tội oan, tất phải viết cả họ tên chứ. Sao lại xưng là Phan công-tử ? Mối ngờ là ở đấy !

— Vâng ! Bẩm như vậy đại-quan định truy-tầm thủ-phạm thế nào ? Tiểu - chức thiết tưởng hãy cứ bằng vào cái hiệu *Phan công-tử* mà tầm nã rồi nó vỡ-lở ra !

— Phủ-quan nghĩ vậy chưa được chín lắm. Bản-chức định cứ sức truy-tầm thủ phạm không thôi, để bất tình nghi về xét hỏi. Còn một mặt ta cho lính đi do thám. Nói đến đấy thì cả đoàn đã về đến phủ nha. Sau tiếng trống báo nổi giật lên rồi lại trả ngay sự im-lặng của đêm trường. Lúc ấy mới vào độ đầu giờ tý. Quan Phủ mời Trần-Long lưu lại Phủ. Nhưng công việc cấp-bách, chàng cần phải về dinh ngay. Quan Phủ liền phái bốn tên lính hộ tống chàng về. Đoàn người ngựa lại mải miết đi. Cuối giờ tý, mới về tới dinh. Trên chòi canh nổi trống báo. Nghe tiếng trống, Liên-Tường còn thức, vội mở cửa ra đón. Thấy chồng, nàng vui mừng lắm, vội âu yếm hỏi :

— Đại quan bận việc gì mà đêm hôm vội vàng vậy ?

Trần-Long mỉm cười đáp :

— Phu-nhân chớ ngại. Vì Trần Tham-quan bị ám sát nên phải vội đi lại vội về.

— Tham-quan Trần-Ngũ ?

— Vâng !

Còn nữa

CHU-THIỆN

1 — Phủ tử-sơn bấy giờ

QUỐC-HỌC THƯ'-XÃ

mới phát hành

THI-THOẠI

Một kho tài-liệu vô giá của các nhà thơ, các nhà yêu thơ, các nhà nghiên-cứu thi-học, văn-học. Dầy ngót 300 trang, giá 2p.00, gần hết

LƯỢC-KHẢO VỀ

MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

của Từ-Lâm NGUYỄN XUÂN-NGHỊ

Kiến-trúc-sư tại bộ Công Nam-triều, đã được các báo Annam Nouveau, Patrie Annamite, Trang-Bắc, Việt-Báo, Tràng-An ngợi khen. Giấy Bouffant và giấy lệnh, còn 20 bộ, 3p.50; giấy thường giá 1p 50

ĐẠO-SỐNG

NGHIÊN-CỨU VÀ PHÊ-BÌNH CÁC CHỦ-NGHĨA ĐẠO-LÝ TRIẾT-HỌC ĐÔ -TÂY

Tựa của cụ Thượng PHẠM NH

MỤC-LỤC SÁCH « ĐẠO SỐN(

I Khoái-lạc chủ-nghĩa: *Aristippe, Epicure, Bantham, Stuart Mill, Dương-Chu*
II Cảm-tình chủ-nghĩa: *Adam Smith, Jésus Christ, Thích-Ca, Fichte. Tolstoi, Schopenhauer, Auguste Comte, Durkheim*
III Lý-trí chủ-nghĩa: *Epitecte, Marc Aurèle, Zénon, Jou, roy, Mặc-Tử, Lão-tử, Trang-Tử, Khổng-Tử, Mạnh-Tử, Tuân-Tử.*
IV Hình-thức chủ-nghĩa: *Kant*

Bản giấy thường giá: 2p.00 Bản giấy registre và lệnh chỉ (còn 30 bộ) 4p.00

Mua một cuốn xin gửi tiền trước thêm 0p.40 cước, không bán lãnh hóa giao ngân

ĐANG IN SẮP XONG

HỌC-THUYẾT MẶC-TỬ'

MỘT HỌC-THUYẾT XƯA ĐƯỢC SUY TÔN NGANG HÀNG VỚI ĐẠO-HỌC NHÀ NHO

Giấy thường giá	1p.50	
Giấy lệnh chỉ (có chữ ký tác giả)	3.00	*(còn 3 bộ)*
Giấy Bouffant (có chữ ký tác giả)	4.00	*(còn 4 bộ)*
Giấy Vergé baroque crème (có chữ ký tác giả)	7.00	*(còn 2 bộ)*

Thư từ và ngân phiếu đề tên ông LÊ VĂN-HÒE

Giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ *16 bis, rue Tien-Tsin* — **Hanoi**

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng Administrateur Gérant: Dương Tu-Quán

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi